

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Phạm Thị Hà
Tổ : Ngữ văn, KHBD khối 11(T55-66)
Ngày soạn: 30/12/2025
Ngày dạy: Tuần 20,21,22,23

BÀI 6

NGUYỄN DU “NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG”

(Đọc: 7 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Tiểu sử về Nguyễn Du, những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du, vị trí của ông trong nền văn học dân tộc.
- Đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu thơ của Nguyễn Du: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác.
- Thực hành biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối.
- Quy trình viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.
- Thảo luận giới thiệu một tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đại thi hào.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ.
- So sánh được hai văn bản văn học ở các giai đoạn khác nhau viết cùng đề tài; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.
- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học.
- Viết được bài văn thuyết minh về tác phẩm văn học, có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Giới thiệu được (dưới hình thức nói) một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng những di sản văn học; đồng cảm, chia sẻ với tinh thần nhân đạo thấm đượm trong nền văn học truyền thống của dân tộc.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

TIẾT 55,56

TÁC GIA NGUYỄN DU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tiểu sử về Nguyễn Du.
- Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du.
- Vị trí của Nguyễn Du trong nền văn học dân tộc.

2. Năng lực

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du; từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác trong phần Thực hành đọc.
- HS đánh giá được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

3. Phẩm chất:

- Biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.
- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, ti vi, Máy chiếu, giấy AO, A4...

2. Học liệu:

- Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm, phiếu học tập, bảng kiểm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Thực hiện trong phần khởi động

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác gia Nguyễn Du.

b. Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát đoạn nhạc ví dặm tạo tâm thế cho HS. - GV đặt câu hỏi: Những câu hát trữ tình vừa rồi đã đưa chúng ta trở về với quê hương của tác giả <i>Truyện Kiều</i> mà các em đã có dịp tìm hiểu trong chương trình THCS. Sau đây, cô đưa ra 3 bức ảnh, các em hãy quan sát thật kĩ để chỉ ra cho cô những cụm từ được dùng để tôn vinh tác giả <i>Truyện Kiều</i>? 	- Cụm từ: Đại thi hào dân tộc; Danh nhân văn hóa thế giới

B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: - HS trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét: Ở Việt Nam có những tên tuổi được tôn vinh là danh nhân văn hóa thế giới. Nhưng chỉ riêng Nguyễn Du được tôn vinh là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Vậy điều gì đã tạo nên tầm vóc ấy? Bài học hôm nay cô trò chúng ta tiếp tục hành trình đi tìm câu trả lời trên.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu:

- Nhận biết đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam.
- Nhận biết đặc điểm của truyện thơ Nôm.
- Vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam, đặc điểm truyện thơ Nôm vào việc tìm hiểu cuộc đời và đọc hiểu những sáng tác của Nguyễn Du.

b. Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																		
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn. - HS trả lời câu hỏi: Em hiểu như thế nào về hiện tượng giao lưu và sáng tạo trong văn hóa, văn học? Nêu dẫn chứng minh họa cho cách hiểu của em. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét và lưu ý những kiến thức trọng tâm. B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn. - HS hoàn thành phiếu học tập: <table><tr><th colspan="3">Truyện thơ Nôm</th></tr><tr><td>1</td><td>Khái niệm</td><td>.....</td></tr><tr><td>2</td><td>Phân loại</td><td>.....</td></tr><tr><td>3</td><td>Đề tài, chủ đề</td><td>.....</td></tr></table>	Truyện thơ Nôm			1	Khái niệm		2	Phân loại		3	Đề tài, chủ đề		1. Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam. - Trong thời trung đại, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của hai nền văn hóa lớn là Trung Hoa và Ấn Độ. - Một số phương diện chính của sự giao lưu và sáng tạo: tư tưởng, ngôn ngữ - văn tự, thể loại, chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,...). - Đặc điểm: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại diễn ra theo nguyên tắc lựa chọn tinh hoa, chủ động “Việt hóa” các yếu tố ngoại lai để phù hợp với bản sắc và tinh thần văn hóa dân tộc. 2. Truyện thơ Nôm <table><tr><th colspan="3">Truyện thơ Nôm</th></tr><tr><td>1</td><td>Khái niệm</td><td>- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.</td></tr></table>	Truyện thơ Nôm			1	Khái niệm	- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.
Truyện thơ Nôm																			
1	Khái niệm																		
2	Phân loại																		
3	Đề tài, chủ đề																		
Truyện thơ Nôm																			
1	Khái niệm	- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.																	

Truyện thơ Nôm		
1	Khái niệm	
2	Phân loại	
3	Đề tài, chủ đề	

4	Nhân vật													
5	Vị trí													
B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thành phiếu học tập. B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét và lưu ý những kiến thức trọng tâm.														
2	Phân loại	<table> <tr> <td></td><td>Truyện thơ Nôm bình dân</td><td>Truyện thơ Nôm bác học</td></tr> <tr> <td>Tác giả</td><td>- Khuyết danh, nho sĩ và trí thức bình dân.</td><td>- Có tên tác giả, nho sĩ quý tộc có học vấn uyên bác.</td></tr> <tr> <td>Cốt truyện</td><td>- Lấy từ văn học dân gian hoặc trong đời sống.</td><td>- Lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật.</td></tr> <tr> <td>Hình thức nghệ thuật</td><td>- Thơ mộc, giản dị, hồn nhiên.</td><td>- Trau chuốt, điều luyện.</td></tr> </table>		Truyện thơ Nôm bình dân	Truyện thơ Nôm bác học	Tác giả	- Khuyết danh, nho sĩ và trí thức bình dân.	- Có tên tác giả, nho sĩ quý tộc có học vấn uyên bác.	Cốt truyện	- Lấy từ văn học dân gian hoặc trong đời sống.	- Lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật.	Hình thức nghệ thuật	- Thơ mộc, giản dị, hồn nhiên.	- Trau chuốt, điều luyện.
	Truyện thơ Nôm bình dân	Truyện thơ Nôm bác học												
Tác giả	- Khuyết danh, nho sĩ và trí thức bình dân.	- Có tên tác giả, nho sĩ quý tộc có học vấn uyên bác.												
Cốt truyện	- Lấy từ văn học dân gian hoặc trong đời sống.	- Lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật.												
Hình thức nghệ thuật	- Thơ mộc, giản dị, hồn nhiên.	- Trau chuốt, điều luyện.												
3	Đề tài, chủ đề	- Rộng từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường, đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại.												
4	Nhân vật	- Phong phú, đa dạng: vua chúa, quan lại, công chúa, tiểu thư, người hầu, người lao động, Nho sĩ,.... - Đặc điểm của nhân vật: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động...) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,...). - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, ngôn ngữ nửa trực tiếp,...												
5	Vị trí	- Đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc. - Nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc.												
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn về biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS tự nghiên cứu. B3. Báo cáo thảo luận - HS tự nghiên cứu. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV hướng dẫn HS tự nghiên cứu.														
3. Biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối: - Lập cấu trúc: là biện pháp tu từ sử dụng những cụm từ hoặc câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn. - Đối: là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ hoặc câu sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cân xứng cho lời văn.														

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN TÁC GIA NGUYỄN DU

***HOẠT ĐỘNG ĐỌC VĂN BẢN**

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích.
- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

b. Nội dung:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và nắm rõ thông tin quan trọng và nghĩa một số từ Hán Việt ở phần chú thích

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: (1) GV hướng dẫn cách đọc: - GV yêu cầu HS đọc văn bản trước khi đến lớp, tóm tắt vào vở những nội dung cơ bản. - Trên lớp: + Cho HS đọc thầm, chọn đọc thành tiếng một vài mục cần nhấn mạnh. + Hướng dẫn HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. + Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV- nhận xét cách đọc của HS.	ĐỌC VĂN BẢN - Đọc - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK

*** HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du; từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác trong phần Thực hành đọc.
- HS nhận xét, đánh giá được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

b. Nội dung: HS quan sát SGK, thực hiện theo hướng dẫn để tìm hiểu nội dung kiến thức.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Tìm hiểu về tiểu sử cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV nhắc lại nhiệm vụ giao học sinh làm ở nhà: chia lớp thành 3 nhóm. Nhóm 1	I. TIỂU SỬ

+ Nhiệm vụ: Tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Du

+ Câu hỏi 1: Lập niên biểu Nguyễn Du và thuyết trình những yếu tố ảnh hưởng đến tài năng Nguyễn Du.

+ Câu hỏi 2: Từ đó, em nhận xét về cuộc đời, con người Nguyễn Du.

+ Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin

+ Cách trình bày: Sử dụng phần mềm Power point

+ Thời gian trình bày: 3-4 phút

Nhóm 2

+ Nhiệm vụ: Tìm hiểu các sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du

+ Câu hỏi 1: Giới thiệu các sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du (*nêu tên, hoàn cảnh sáng tác các tập thơ; nội dung chính; ảnh bìa sách*)

+ Câu 2: Vì sao *Bắc hành tạp lục* được đánh giá là tập thơ chữ Hán đặc sắc nhất của Nguyễn Du?

+ Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin

+ Cách trình bày: Sử dụng sơ đồ tư duy

+ Thời gian trình bày: 2-3 phút

Nhóm 3

+ Nhiệm vụ: Tìm hiểu về *Truyện Kiều*

+ Câu hỏi: Từ một cốt truyện vay mượn, Nguyễn Du đã có những sáng tạo gì khiến *Truyện Kiều* trở thành kiệt tác?

+ Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin

+ Cách trình bày: Sử dụng phần mềm Power point

+ Thời gian trình bày: 2-3 phút

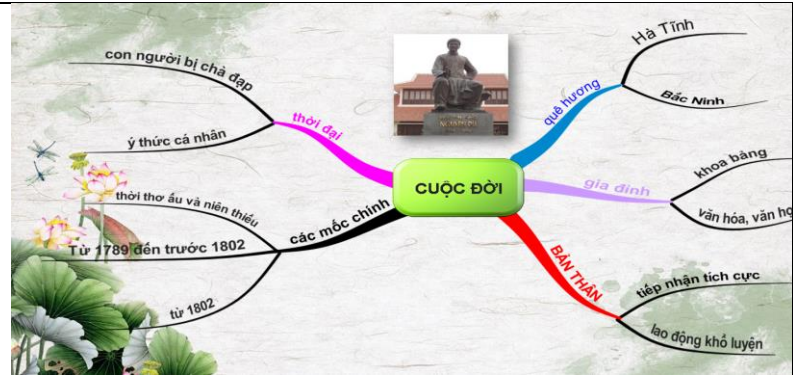
- Các nhóm có 5 phút để cùng trao đổi, thống nhất về sản phẩm học tập và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trước lớp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm trao đổi, thống nhất về sản phẩm học tập và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trước lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện nhóm lên trình bày.



1. Quê hương

- Quê cha: làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, nay thuộc Hà Tĩnh, vùng đất sơn kì thủy tú, cũng là quê hương của những làn điệu dân ca ví dặm ngọt ngào, tha thiết ân tình.

- Quê mẹ: Bắc Ninh, cái nôi của dân ca quan họ, giàu truyền thống văn hóa

- Nơi sinh trưởng: Sinh ra và lớn lên ở Thăng Long, mảnh đất kinh kì văn hiến.

2. Gia đình

- Nguyễn Du xuất thân trong một gia đình phong kiến đại quý tộc có hai truyền thống lớn là truyền thống công danh khoa bảng và truyền thống văn hóa, văn học.

- Dòng họ Nguyễn Tiên Điền có truyền thống khoa bảng

- Cha Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm từng làm quan đến chức Tể tướng.

- Mẹ Nguyễn Du, bà Trần Thị Tần là người Bắc Ninh, có tài hát xướng.

3. Thời đại: Cuối TK 18 đầu TK 19

- XHPKVN khủng hoảng trầm trọng, loạn lạc bốn phương, các phong trào khởi nghĩa của nông dân, kiêu binh làm loạn. Tây Sơn thay đổi sơn hà, diệt Nguyễn, Trịnh, đuổi Xiêm, Thanh huy hoàng 1 thuở. Năm 1802 nhà Nguyễn lập lại chính quyền chuyên chế, thống nhất đất nước.

Chứng kiến những biến động kinh hoàng của thời đại, sáng tác Nguyễn Du mang cảm hứng về thân phận con người, về hiện thực xã hội với *những điều trông thấy*.

4. Những mốc chính trong cuộc đời

- Thời thơ ấu và niên thiếu: sống tại Thăng Long trong một gia đình quyền quý

+ 10 tuổi mồ côi cha, 13 tuổi mồ côi mẹ, Nguyễn Du phải sống nhờ trong nhà Nguyễn Khản, người anh cùng cha khác mẹ ở Thăng Long. Nguyễn Khản đỗ quan to, nổi tiếng phong lưu một thời, mê hát xướng. Nhờ đó, Nguyễn Du có dịp hiểu biết về cuộc sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến và có tấm lòng trắc ẩn với những người nghèo khổ, kĩ nữ.

- Các nhóm khác theo dõi và cùng trao đổi với nhóm bạn Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét, chốt ý trọng tâm. - GV nhấn mạnh: + Qua phần tìm hiểu về tiểu sử cuộc đời Nguyễn Du, chúng ta có thể khẳng định: Các yếu tố khách quan là quan trọng, <u>nhưng những phẩm chất của bản thân người nghệ sĩ</u> mới là yếu tố tiên quyết. Những yếu tố trong cuộc đời không đứt lìa mà trở thành máu thịt với nhà văn. Và với Nguyễn Du, đó chính là tiền đề quan trọng để tạo nên một thiên tài cùng một sự nghiệp văn học vĩ đại được viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. + Thơ chữ Hán Nguyễn Du giống như cuốn nhật kí trung thực ghi lại cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của chính nhà thơ. Trong đó, <i>Bắc hành tạp lục</i> là tập thơ chữ Hán đặc sắc nhất của Nguyễn Du và nền thơ trung đại Việt Nam. Tập thơ sáng tác trong thời gian ông đi sứ nhà Thanh (1813-1814). Nét nổi bật ở tập thơ này, trong suốt thời gian lộ trình, Nguyễn Du không hề nói đến công chuyện đi sứ, không đề cập đến vấn đề xã giao thù tiếp của Triều đình và quan lại địa phương mà phần đa là những trang thơ thể sự, về con người và cuộc sống phương Bắc.	- Từ 1789 đến trước 1802: Tai biến ập đến, gia đình ly tán. - Từ năm 1802: Khi triều Tây Sơn bị diệt vong và Nguyễn Ánh lập ra triều đại mới, Nguyễn Du ra làm quan với nhà Nguyễn. 5. <i>Bản thân</i> - Tiếp nhận những tinh hoa, tinh túy từ quê hương, gia đình; - Vượt qua những bi kịch trong cuộc đời bằng ý chí, nghị lực; - Trải qua quá trình lao động nghệ thuật đầy khổ luyện. ⇒ Nhận xét về cuộc đời, con người Nguyễn Du : - Cuộc đời của Nguyễn Du trải qua nhiều biến cố gắn với bối cảnh thời đại. - Nguyễn Du là con người tài năng, có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú. Đặc biệt, ông là người có tâm hồn nhạy cảm, sâu sắc, trái tim mang nặng nỗi thương đời, tấm lòng nhân hậu sâu sắc “<i>con mắt nhìn xuyên sáu cõi, có tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời</i>”. II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC 1. Sáng tác chữ Hán: <table><tr><td></td><td><i>Thanh Hiên thi tập</i></td><td><i>Nam Trung tạp ngâm</i></td><td><i>Bắc hành tạp lục</i></td></tr><tr><td>Số lượng sáng tác</td><td>78 bài thơ</td><td>40 bài thơ</td><td>132 bài thơ</td></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td>Trước khi ra làm quan nhà Nguyễn. Đó là những năm tháng bi thương nhất cuộc đời Nguyễn Du khi gia đình tan tác chia lìa, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc.</td><td>Trong thời kì Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn.</td><td>Trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.</td></tr><tr><td></td><td>Thể hiện nỗi niềm thương thân và sự thấu hiểu, đồng cảm với những đau thương bất hạnh của con người,</td><td>+ Bày tỏ nỗi chán nản, thất vọng về chốn quan trường và thể chế xã hội bất công; khao khát được về sống ẩn dật;</td><td>+ Thể hiện nỗi niềm căm thương, đau đớn trước sự phân cách con người, đặc biệt là những kẻ</td></tr></table>		<i>Thanh Hiên thi tập</i>	<i>Nam Trung tạp ngâm</i>	<i>Bắc hành tạp lục</i>	Số lượng sáng tác	78 bài thơ	40 bài thơ	132 bài thơ	Hoàn cảnh sáng tác	Trước khi ra làm quan nhà Nguyễn. Đó là những năm tháng bi thương nhất cuộc đời Nguyễn Du khi gia đình tan tác chia lìa, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc.	Trong thời kì Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn.	Trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.		Thể hiện nỗi niềm thương thân và sự thấu hiểu, đồng cảm với những đau thương bất hạnh của con người,	+ Bày tỏ nỗi chán nản, thất vọng về chốn quan trường và thể chế xã hội bất công; khao khát được về sống ẩn dật;	+ Thể hiện nỗi niềm căm thương, đau đớn trước sự phân cách con người, đặc biệt là những kẻ
	<i>Thanh Hiên thi tập</i>	<i>Nam Trung tạp ngâm</i>	<i>Bắc hành tạp lục</i>														
Số lượng sáng tác	78 bài thơ	40 bài thơ	132 bài thơ														
Hoàn cảnh sáng tác	Trước khi ra làm quan nhà Nguyễn. Đó là những năm tháng bi thương nhất cuộc đời Nguyễn Du khi gia đình tan tác chia lìa, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc.	Trong thời kì Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn.	Trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.														
	Thể hiện nỗi niềm thương thân và sự thấu hiểu, đồng cảm với những đau thương bất hạnh của con người,	+ Bày tỏ nỗi chán nản, thất vọng về chốn quan trường và thể chế xã hội bất công; khao khát được về sống ẩn dật;	+ Thể hiện nỗi niềm căm thương, đau đớn trước sự phân cách con người, đặc biệt là những kẻ														

	Nội dung	quê hương và thời đại.	+ Thể hiện niềm xót xa cho thân phận con người trong cảnh loại li;	tài hoa, trung nghĩa nhưng bị chà đạp + Phơi bày thực trạng bất công, tương phản giữa những điều “nghe thấy” và “trông thấy”.
2. Sáng tác chữ Nôm a. Giới thiệu chung về các sáng tác chữ Nôm: - <i>Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu</i> (văn tế), <i>Thác lời trai phường nón</i> (lục bát): Thể hiện nhưng cảm xúc tình tứ, lãng mạn đậm dấu ấn dân gian. - <i>Văn tế thập loại chúng sinh</i> (song thất lục bát) là tiếng khóc thương cho những kiếp người nhỏ bé bất hạnh tổng xã hội bất công. - <i>Truyện Kiều</i> (truyện thơ Nôm) b. <i>Truyện Kiều</i>				
	Cốt truyện	Vị trí	Giá trị tư tưởng	Giá trị nghệ thuật
	Truyện Kiều tiếp thu đề tài, cốt truyện của <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).	- Là một kiệt tác, có sức hút với cả giới tri thức và bình dân, hòa nhập vào đời sống với những sinh hoạt văn hóa của người Việt. - Đến nay, tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.	- Tôn vinh vẻ đẹp của con người, đặc biệt là phụ nữ - Cảm thông, xót thương trước thân phận của con người giữa một xã hội bất công và cất tiếng đòi quyền sống cho con người. - Trân trọng những khát vọng chính đáng của con người:	- Cốt truyện được xây dựng theo mô hình chung của truyện thơ Nôm gồm ba phần: Gặp gỡ, chia li, đoàn tụ nhưng có “phá cách” khi Kiều được đoạ tụ gia đình nhưng Kim – Kiều đều không được hạnh phúc trọn vẹn.

* Đánh giá vị trí, đóng góp của Nguyễn Du với dân tộc và nhân loại Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Câu hỏi: Sau một thời gian tìm hiểu, chắc hẳn mỗi em đã có câu trả lời cho câu hỏi: Điều gì đã khiến Nguyễn Du được tôn vinh là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS trình bày kết quả - HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chốt ý: Để làm nên tầm vóc của một bậc đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới chắc hẳn do nhiều yếu tố. Nhưng cho dù là yếu tố nào thì điều căn cốt nhất vẫn là cái tài và cái tâm của người nghệ sĩ. Nói như Gam-za-tốp: <i>Cái tài nhờ cái tâm mà cháy lên, cái tâm nhờ cái tài mà tỏa sáng.</i>			khát vọng tình yêu và khát vọng sống tự do. - Lên án, tố cáo xã hội phong kiến đầy rẫy bất công, thói nát. => Tưởng nhân đạo lớn lao, sâu sắc, độc đáo.	- Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc - Ngôn ngữ tiếng Việt được sử dụng phong phú, nhuần nhuyễn và sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ chọn lọc, tinh tế; kết hợp ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ văn chương bác học... - Nghệ thuật xây dựng nhân vật thành công + Sáng tạo thêm một số chi tiết mới để tạo ra một thế giới nhân vật sống động. + Đi sâu vào miêu tả tâm lí nhân vật.
				III. TỔNG KẾT - Nguyễn Du là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. - Là một tài năng nghệ thuật xuất chúng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được những biểu hiện của tư tưởng nhân đạo trong một số sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Du

b. Nội dung: Từ những tri thức đã được khám phá, HS đọc kĩ một số đoạn thơ tiêu biểu và phân tích được biểu hiện của giá trị nhân đạo.

c. Sản phẩm: Câu trả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV nêu yêu cầu: Dù là sáng tác chữ Hán hay chữ Nôm thì các tác phẩm của Nguyễn Du đều thấm đậm tinh thần nhân đạo của một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. Các em hãy phân tích biểu hiện của tư tưởng nhân đạo ấy qua những đoạn thơ sau:

*1. Một mẹ cùng ba con
Lê la bên đường nọ
Đứa bé ôm trong lòng
Đứa lớn tay mang giỏ
Trong giỏ đựng những gì
Mớ rau lẫn tấm cám
Trưa rồi bụng vẫn không
Quần áo rách tùm tùm
Gặp người chẳng dám nhìn
Lệ sa vạt áo ướt
(Sở kiến hành)*

*2. Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
(Truyện Kiều)*

*3. Đi ra xe ngựa, về vênh váo
Lên mặt Quý, Cao, tán chuyện đời!
Không lộ vuốt nanh cùng nọc độc
Mà xé thịt người nhai ngọt xót!
(Phản “Chiêu hồn”)*

*4. Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.
(Truyện Kiều)*

*5. Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài
Đội trời đạp đất ở đời
Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.
Giang hồ quen thói vẫy vùng
Guom đàn nửa gánh non sông một chèo.
(Truyện Kiều)*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Du, chúng ta đã biết, Nguyễn Du xuất thân từ giai cấp quý tộc phong kiến nhưng đã sống như một người dân thường giữa thế gian, nhờ vậy ông thông cảm sâu xa với số phận bất hạnh của những con người nghèo khổ như mấy mẹ con người ăn xin *Trưa rồi bụng vẫn không/ Quần áo rách tùm tùm/ Gặp người chẳng dám nhìn/ Lệ sa vạt áo ướt.*

- Thời đại Nguyễn Du sống là thời kì khủng hoảng của XHPK, quyền sống của con người, đặc biệt là của người phụ nữ bị xâm phạm, chà đạp. Vì vậy có nhiều tác phẩm thể hiện sự thương xót cho người phụ nữ. Nhưng chưa ở đâu tiếng nói ấy lại cất lên sâu sắc, thấm thía như trong sáng tác của Nguyễn Du. Hơn một lần ông xót xa *Đau đớn thay phận đàn bà.*

- Trong sáng tác của mình, Nguyễn Du có sự cảm thông sâu sắc với những người tài hoa bạc mệnh. Nguyễn Du đặc biệt đề cao những người có tài văn chương, đàn hát, những người sáng tạo ra giá trị tinh thần cho xã hội như nàng Tiểu Thanh, người gảy đàn ở đất Long Thành, nàng Kiều...

- Bên cạnh tình yêu thương là sự căm phẫn những thế lực chà đạp con người. Đó là sự tàn bạo của quan lại phong kiến, những kẻ tuy bề ngoài *không lộ vuốt nanh cùng nọc độc* mà *xé thịt người nhai ngọt xót.*

- Vượt ra khỏi khuôn khổ của lễ giáo phong kiến, Nguyễn Du trân trọng, đồng tình với khát vọng tình yêu của nàng Kiều qua bước chân *xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*, cổ vũ cho cái bước chân *Còn làm sừng sốt bao cô gái thời hiện đại* ấy.

- Trân trọng, đồng tình với khát vọng tự do của con người, Nguyễn Du đã ngợi ca Từ Hải người anh hùng *đội trời đạp đất, đường đường một đấng anh hào.* Và chính con người ấy đã giúp Kiều báo ân báo oán, thực hiện ước mơ công lí.

- HS trình bày kết quả - HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, góp ý	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu:

- HS đánh giá được giá trị của kiệt tác *Truyện Kiều* và khẳng định được sức sống của *Truyện Kiều* trong đời sống hôm nay.

b. Nội dung: HS sưu tầm tư liệu và xây dựng ý tưởng xây dựng không gian nghệ thuật – du lịch về *Truyện Kiều*

c. Sản phẩm: Ý tưởng dự án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ về nhà: GV nêu yêu cầu: <i>Truyện Kiều</i> – kiệt tác mà Nguyễn Du để lại không chỉ là quốc hồn quốc túy mà đã trở thành tài sản vô giá của nhân loại. Cho đến hôm nay, <i>Truyện Kiều</i> được dịch ra khoảng hơn 20 thứ tiếng trên thế giới. <i>Truyện Kiều</i> không chỉ đi vào đời sống văn hóa tinh thần của con người mà còn có mặt trên bàn đàm phán ngoại giao. Nhằm đưa sáng tác của Nguyễn Du đến gần hơn với công chúng trong nước và quốc tế, ThS. Lư Thị Thanh Lê trong bài viết <i>Xây dựng công viên chủ đề “Truyện Kiều”</i> (Báo Nhân dân điện tử, 21/8/2015) có đề xuất: “xây dựng một theme-park - không gian nghệ thuật, du lịch có sức hấp dẫn hơn đối với đại chúng về <i>Truyện Kiều</i>.” Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận theo nhóm học tập, lên ý tưởng dự án Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm trình bày ý tưởng dự án vào tiết học sau Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá	
--	--

3. Củng cố

4. Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thành bài tập vận dụng
- Đọc và chuẩn bị bài Trao duyên

Tiết 57-59 - VĂN BẢN 2:

TRAO DUYÊN
(Trích *Truyện Kiều*) - Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh hiểu được tâm trạng đầy mâu thuẫn, bế tắc, đau đớn của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân, nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng

- Học sinh phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ đa dạng vừa bác học vừa bình dân.
- Học sinh thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du với con người, đặc biệt là những người tài hoa bạc mệnh như Kiều.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết tìm kiếm, phân tích, đánh giá và lựa chọn những thông tin liên quan từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau.
- Biết cách đề xuất và phân tích một số giải pháp để giải quyết vấn đề.

b. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Vận dụng được những hiểu biết chung về tác giả Nguyễn Du và các kiến thức được giới thiệu trong bài học trước “Nguyễn Du – Cuộc đời và sự nghiệp” để hiểu đoạn trích theo đặc trưng của thể loại truyện Nôm.
- Nhận biết sự tương đồng và khác biệt của truyện thơ Nôm so với truyện thơ dân gian.
- Phân tích và đánh giá được vị trí của đoạn trích “Trao duyên” trong tác phẩm “Truyện Kiều” và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

3. Về phẩm chất:

Hs biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều, cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

2. **Học liệu:** KHBD, SGK, SGV, SBT

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. **Kiểm tra bài cũ:** Chia sẻ điều em ấn tượng nhất về tác gia Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều.

3. **Bài mới:**

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG- 3 phút.

a. **Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. **Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn?”

c. **Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên nêu thể lệ trò chơi “Ai nhanh hơn? ”, sau đó chiếu slide những bức tranh họa cảnh Kim- Kiều gặp gỡ trong ngày hội đạp thanh và đêm thề nguyện đính ước và giao nhiệm vụ cho hs: “ <i>Em quan sát thấy gì trong những bức họa? Kết quả của sự quan sát đó mang đến cho em những nhận xét như thế</i> ”	Câu trả lời của HS: - Em quan sát thấy: Bức họa đầu tiên tái hiện màn Kim- Kiều gặp gỡ tình cờ trong ngày hội đạp thanh; bức họa 2 là cảnh Thúy

nào về mối tình Thúy Kiều- Kim Trọng? Theo em đâu là nội tình sâu xa của cuộc trao duyên giữa Thúy Kiều và Thúy Vân?”. Hs nào phát tín hiệu giờ tay đầu tiên sẽ giành được quyền trả lời. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - GV nêu thể lệ trò chơi “Ai nhanh hơn?”, chiếu slide hình ảnh và câu hỏi. - Hs làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh và lắng nghe câu hỏi sau đó giờ tay thật nhanh để xin trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhanh nhất được phát biểu trả lời câu hỏi; 1-2 hs bổ sung (nếu cần). B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Gv nhận xét các câu trả lời, công bố kết quả trò chơi và trao thưởng. - Gv dẫn dắt vào bài: Khi khái quát về số phận của Thúy Kiều, Mộng Liên Đường chủ nhân từng viết: “Khi lai láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc; khi duyên ưa kim cải non biển thề bời; khi đất nổi ba đào cửa nhà tan tác; khi lầu xanh, khi rừng tía đi về nghĩ cũng chôn chân; khi kinh kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ càng tê lưỡi’. Quả thực, trong suốt 15 năm lưu lạc, Thúy Kiều đã trải qua rất nhiều nỗi đau với vô vàn bi kịch của một kiếp người hồng nhan mà bạc mệnh. Và mở đầu cho kiếp đoạn trường đó chính là bi kịch gia đình li tán và tình yêu đầu đời tan vỡ. Bi kịch này được thể hiện rất rõ trong đoạn trích “Trao duyên”. Trong bài học này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu nội tình của cuộc trao duyên từ nguyên có, tâm trạng của người trong cuộc, cách thể hiện cũng như tâm lòng của nhà thơ.	Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe trong đêm thề nguyên đính ước; bức họa 3 là cảnh Kim Kiều chia tay. - Qua đó em hình dung được tình yêu giữa Thúy Kiều và Kim Trọng là mối tình đầu vừa chớm hé “Chưa vui sum họp đã hầu chia phôi” nhưng vô cùng mãnh liệt, sâu sắc. - Có lẽ vì cơn gia biến, Thúy Kiều đã phải hi sinh bản thân, hi sinh cả tình yêu. Và nàng sẽ phải vô cùng đau đớn, tiếc nuối khi tự tay trao duyên tình của mình cho người khác, kể cả đó là em gái.
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC- 75 phút

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát- 10 phút

a. Mục tiêu:

- Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

- Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - GV yêu cầu HS đọc trước đoạn trích ở nhà, chú ý đọc kĩ phần cước chú để hiểu từ ngữ, ghi lại những từ ngữ cảm thấy khó hiểu, nên học thuộc lòng đoạn trích. - Gv mời một số hs đọc thành tiếng theo	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc - Cách đọc: Đọc rõ ràng, truyền cảm, chú ý đọc kĩ phần cước chú để hiểu từ ngữ, ghi lại những từ ngữ cảm thấy khó hiểu.

lời đọc phân đoạn, lớp nghe và chú ý đối chiếu với câu hỏi trong hộp chỉ dẫn. - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. 2. Tìm hiểu chung - Gv nêu câu hỏi định hướng khắc sâu hiểu biết về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều: <i>Từ những điều đã khám phá trong Vb1, em hãy 1 đến 2 câu văn để giới thiệu về vị trí của Nguyễn Du và Truyện Kiều trong nền văn học dân tộc.</i> + HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. - Gv yêu cầu HS làm việc ở nhà trước để thực hiện các nhiệm vụ sau: + Lập sơ đồ tư duy về mạch tự sự và bố cục của đoạn trích. + Nhìn vào mạch tự sự, em hãy chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời đối thoại và lời độc thoại của các nhân vật. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Hs đọc Vb theo hướng dẫn của GV. - Hs tham khảo SGK, tài liệu trên mạng để thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. - Gv gọi 1- 2 em trình bày sản phẩm. - Gv tổ chức cho Hs góp ý, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của Hs.	2. Tìm hiểu chung 2.1. Tác giả Nguyễn Du và Truyện Kiều Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc Việt Nam, là danh nhân văn hóa thế giới đồng thời là một nhà nhân đạo lớn. Tập đại thành Truyện Kiều là minh chứng tiêu biểu cho tư tưởng nhân văn sâu sắc của Nguyễn Du. 2.2. Đoạn trích Trao duyên * Vị trí đoạn trích (Cước chú tr 14) - Từ 711- 758. - Đây là đoạn thơ mở đầu cho cuộc đời lưu lạc đau khổ của Thúy Kiều. * Sơ đồ tóm tắt mạch tự sự và bố cục: 711- 723: Bối cảnh trao duyên ↓ 724-734: TK nói lời trao duyên và thuyết phục TV ↓ 735- 748: TK trao kỉ vật và dặn dò TV ↓ 749- 758: Lời độc thoại nội tâm than thở cùng KT của TK → Đoạn trích Trao duyên có sự kết hợp các hình thức ngôn ngữ: lời người kể chuyện, lời nhân vật gồm lời đối thoại và lời độc thoại để khắc họa tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều khi tra duyên.
---	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản- 60 phút

a. Mục tiêu:

- Học sinh hiểu được tâm trạng đầy mâu thuẫn, bế tắc, đau đớn của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân, nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng
- Học sinh phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ đa dạng vừa bác học vừa bình dân.
- Học sinh phân tích và đánh giá được vị trí của đoạn trích “Trao duyên” trong tác phẩm “Truyện Kiều” và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.
- Học sinh thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du với con người, đặc biệt là những người tài hoa bạc mệnh như Kiều.
- Hs biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều, cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đoạn 1- 5 phút B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu hs trao đổi theo hình thức nhóm đôi để giải quyết vấn đề: <i>Đọc đoạn 1, tìm những từ ngữ chỉ thời gian, không gian và con người để hình dung, tái hiện bối cảnh trao duyên. Theo các em, ý định trao duyên cho TV được TK dự định sẵn hay bất chợt nảy sinh?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ Hs trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và đưa ra câu trả lời cho cặp nhóm mình. B3. Báo cáo thảo luận - Đại diện 1 nhóm đứng tại chỗ trình bày, 1-2 nhóm nhận xét bổ sung nếu cần. - Gv theo dõi, điều hành, hỗ trợ HS. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt vấn đề. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đoạn 2,3,4- Diễn biến tâm trạng của TK khi trao duyên- 55 phút B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chia lớp thành các nhóm (6-7 hs) để thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1,2 thảo luận PHT số 1 để tìm hiểu về đoạn 2: TK nói lời trao duyên và thuyết phục TV + Nhóm 3,4 thảo luận PHT số 2 để tìm hiểu về đoạn 3: TK trao kỉ vật và dặn dò TV chuyện mai sau. + Nhóm 5,6 thảo luận PHT số 3 để tìm hiểu về đoạn 4: Lời độc thoại nội tâm than thở cùng KT của TK - Gv chiếu slide và phát cho mỗi nhóm 1 phiếu học. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	II. Khám phá chi tiết văn bản 1. Đoạn 1 (711-723): Bối cảnh trao duyên - Thời gian: “<i>Dầu chong trắng đĩa</i>”, “<i>chợt tỉnh giấc xuân</i>” → đêm khuya. - Không gian: “<i>dưới đèn</i>” → căn phòng, thanh vắng. - Con người: + Thúy Vân: “<i>ân cần hỏi han</i>”, “<i>chị riêng oan một mình</i>” → lo lắng, cảm thông, muốc được chia sẻ cùng chị. + Thúy Kiều: ++ “<i>Lòng đương thốn thức đầy</i>”, “<i>tơ duyên còn vương</i>” → băn khoăn, trăn trở. ++ “<i>hở môi... thẹn thùng</i>” → lo lắng cho người khác, ý thức được sự hẹ trọng của điều sắp nói. ==> Cuộc trao duyên diễn ra trong bối cảnh đêm trước ngày TK lên đường theo MGS nhưng lòng còn trĩu nặng những băn khoăn, trăn trở, dằn vặt. Sự ân cần hỏi han và tác lòng thấu hiểu của TV giúp TK lóe lên ý định cậy nhờ em gái thay mình trả món nợ ân tình với chàng Kim như là một giải pháp giúp nàng vẹn tròn cả bên tình bên hiếu. 2. Diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao duyên 2.1. Đoạn 2: Thúy Kiều nói lời trao duyên và thuyết phục Thúy Vân * Lời nhờ cậy đặc biệt: - “<i>Cậy em em có chịu lời</i> <i>Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa</i>” + Từ ngữ: ++ “<i>Cậy</i>” (So với nhờ, mong): thanh trắc mang âm điệu nặng → nhờ vả, gửi gắm, tin tưởng, trông mong, hìn vọng. ++ “<i>Chịu</i>” (so với nhận lời): Thanh trắc đối âm với “<i>cậy</i>”: tăng thêm sức nặng cho sự tin tưởng → bắt buộc, nài ép, chịu thua thiệt + Hành động: “<i>lạy</i>”, “<i>thưa</i>” → sự sang trọng, thái độ kính cẩn, cung kính, báo hiệu điều hệ trọng, khó xử sắp sửa được nói ra.

B2. Thực hiện nhiệm vụ- 20 phút

- HS trong từng nhóm làm việc nhóm, thể hiện kết quả trên giấy A0- **15 phút**
- 2 Nhóm cùng nhiệm vụ trao đổi kết quả cho nhau, ghi ý kiến bổ sung bằng màu mực khác- rồi trả kết quả về cho nhóm bạn hoàn thiện sản phẩm- **5 phút**.
- Gv quan sát, cố vấn.

B3. Báo cáo thảo luận- 24 phút (Mỗi nhóm có tối đa 5 phút cho phần báo cáo, 3 phút cho tranh luận)

- Đại diện nhóm: 1 hoặc 2 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ đọc hiểu đoạn 2- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 1,2.
- Đại diện nhóm 3 hoặc 4 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ tìm hiểu đoạn 3- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 3,4.
- Đại diện nhóm: 5 hoặc 6 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ tìm hiểu đoạn 4- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 5,6.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: 11 phút

- Sau phần báo cáo, trao đổi, tranh luận của mỗi nhóm, GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Mỗi nhóm Gv thực hiện trong khoảng 3 phút.

- “Giữa đường đứt gánh tương tư
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em”

+ Thành ngữ dân gian “Giữa đường đứt gánh” cùng cách kết hợp từ lạ “gánh tương tư”→ tình yêu sâu nặng nhưng dang dở giữa Thúy Kiều và Kim Trọng.

+ Hình ảnh ẩn dụ “keo loan”, “tơ thừa”→ tình duyên chắp vá, gượng gạo với Kim Trọng mà Kiều đang phó mặc cho em.

=> Lời nhờ cậy, lời trao duyên với ngôn từ đặc biệt kèm hành động khác thường cho thấy Kiều là người nhạy cảm, tinh tế, khéo léo, dù bản thân đang đau đớn, vỡ vụn vẫn biết đặt mình vào vị trí của người khác để thấu hiểu.

*** Lời thuyết phục: đưa ra 4 lí do:**

- Kể lại câu chuyện tình yêu với Kim Trọng:

Kể từ khi gặp chàng Kim

Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề

→ngắn gọn, đầy đủ những mốc son: gặp gỡ, thề nguyện, đính ước và cả cảnh ngộ nghiệt ngã để TV hiểu tình cảm sâu nặng, thiêng liêng giữa hai người, hiểu vì sao nàng phải cậy nhờ em thay mình trả nghĩa cho KT.

- Nhắc lại con gia biến và sự hi sinh của bản thân để cứu nguy cho cả gia đình:

Sự đâu sóng gió bất kì

Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai

- Phân tích điều kiện của em:

Ngày xuân em hãy còn dài

- Viện đến tình ruột thịt sâu nặng:

Xót tình máu mủ thay lời nước non”

→ Kiều khéo léo dẫn ra 4 lí do thấu tình đạt lý, vừa chân thành, vừa có sức nặng thuyết phục, đẩy Vân vào tình thế không thể không nhận lời.

***Lời cảm tạ:**

Chị dù thịt nát xương mòn

Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”

→ Tha thiết, chân thành, thấu tình đạt lý.

=>Với tài năng trong kết hợp lối nói trang nhã trong sáng tác văn chương bác học (sử dụng điển tích, điển cố) với cách nói giản dị, nôm na của văn chương bình dân (thành ngữ dân gian quen thuộc), Nguyễn Du đã thành công trong việc xây dựng vẻ đẹp của Thúy Kiều: Con người tình nghĩa, thông minh, khôn khéo, giàu đức hi sinh.

2.2. Đoạn 3: Thúy Kiều trao kỉ vật và dặn dò Thúy Vân.

*** TK trao kỉ vật:**

“Chiếc vành với bức tờ mây

Duyên này thì giữ vật này của chung

Dù em nên vợ nên chồng

Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên

Mất người còn chút của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa

- Phép liệt kê: *Chiếc vành, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương nguyên*

→ Những kỉ vật thiêng liêng minh chứng cho tình yêu tha thiết, sâu nặng giữa Kim và Kiều được Kiều cất giữ và coi như những thứ vô giá trong đời mình.

- Tâm trạng khi trao kỉ vật:

+ *Duyên này thì giữ > < vật này của chung*

++ “*Duyên này*”: duyên phận giữa Kim – Kiều nay Kiều trao lại cho Vân.

++ “*Vật này Của chung*”: Trước đó chúng chỉ là những kỉ vật của Kim, Kiều nhưng nay còn là kỉ vật của Vân; Kiều vừa muốn trao lại cho Vân để từ nay Vân sẽ cất giữ chúng nhưng lại vừa muốn khẳng định chủ quyền bản thân trên những kỉ vật.

+ “*em vợ nên chồng*” > < “*lòng chẳng quên*”: tự nguyện tác thành, mong em và chàng Kim nên duyên vợ chồng > < nhưng lại vẫn muốn khắc ghi bóng hình mình trong tâm trí chàng Kim.

→ Phép tiểu đối được sử dụng nhuần nhuyễn, khéo léo cùng ngôn ngữ đối thoại nửa mê nửa tỉnh của nhân vật đã thể hiện những mâu thuẫn gay gắt trong nội tâm Kiều: Sự giằng xé giữa giữa lí trí và tình cảm, giữa hoàn cảnh và khát vọng, giữa hành động và lời nói.

→ Nội tâm giằng xé cho thấy nỗi đau tột cùng, vỡ vụn của Kiều khi phải chia lìa, vĩnh biệt với mối tình đầu đẹp đẽ, lãng mạn.

*** TK dặn dò TV chuyện mai sau:**

- “*Mai sau*”: những ngày sắp tới, tương lai.

- Trước đó khi trao duyên Kiều từng khẳng định nếu Vân nhận lời nhờ cậy, nàng sẽ “*ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây*”.

- Nhưng trong lời dặn dò TV chuyện mai sau, Kiều lại hình dung trong khi em và người yêu đang hạnh phúc, mặn nồng, bản thân mình chỉ là kẻ mệnh bạc phải “*thác oan*”- chết khi còn vẫn vương hồng trần, còn mang nặng lời nguyện thề chưa trọn và sẽ hiện về như một hồn ma không thể siêu thoát.

→ Những hình dung hãi hùng cho thấy tâm lí nhân vật đã có sự biến đổi từ trạng thái tỉnh táo, sáng suốt sang lúng túng, bối rối, thậm chí có lúc như rơi vào ảo giác.

=> Kiều trao kỉ vật cho em mà lòng Kiều thổn thức, náo nức, nuối tiếc, đau xót. Tâm trạng đau đớn, vò xé, đang nói chuyện với Thuý Vân nhưng dường như nàng đang thăm thiết với nỗi đau riêng trong tâm hồn mình.

	2.3. Đoạn 4 (749-758): Lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều * Độc thoại nội tâm về tình cảnh của chính mình: - Sử dụng một loạt thành ngữ dân gian: + “<i>trâm gãy bình tan</i>” → tình duyên tan vỡ; + “<i>phận bạc như vôi</i>” → số phận bất hạnh; + “<i>nước chảy hoa trôi</i>” → tương lai vô định → Tâm trạng đau đớn tột cùng khi ý thức cao độ về hiện tại nghiệt ngã của mình. * Hướng về chàng Kim để nói lời tạ tội, tiễn biệt: - Nhịp thơ hai câu cuối: 3/3 và 2/2/2/2 như nhất cắt, tiếng nắc nghẹn ngào, đau đớn chia lìa. - Kiều nhận lỗi làm về mình, tự cho rằng mình là người phụ bạc. - Day dứt, đau đớn vì lời thề dang dở. → Ban đầu, Kiều ngỡ trao duyên cho TV là lối thoát giúp chu toàn cả bên tình bên hiếu giúp nàng vui bớt những day dứt, khắc khoải, đau đớn. Nhưng kết thúc cuộc trao duyên, tình yêu và nỗi đau vẫn vẹn nguyên, thậm chí còn trào dâng mãnh liệt hơn.
--	---

Nội dung 3: Tổng kết- 5 phút

a. Mục tiêu:

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

b. Nội dung: Giáo viên nêu nhiệm vụ, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, giấy nháp ghi kết quả làm việc cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vận dụng kiến thức vừa đọc hiểu để hoàn thành nhiệm vụ: + <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản ra giấy nháp.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt vấn đề.	III. Tổng kết 1. Giá trị nội dung - Thông qua diễn biến tâm trạng của TK khi trao duyên, đoạn trích đã thể hiện bi kịch tình yêu và số phận bất hạnh của Thúy Kiều khi phải tự tay trao tình yêu đầu đời cho người khác. - Qua đó, cho thấy nhân cách cao đẹp của TK khi hi sinh hạnh phúc cá nhân để đổi lấy bình yên cho gia đình, hi sinh cho tình yêu, suy nghĩ và hành động cho người khác. 2. Đặc sắc nghệ thuật: - Đoạn trích có sự kết hợp, đan xen của nhiều hình thức ngôn ngữ: lời người kể chuyện, lời đối thoại và độc thoại của nhân vật, lời nửa trực tiếp. - Đoạn trích cho thấy tài năng ngôn ngữ bậc thầy của Nguyễn Du khi kết hợp tinh hoa của hai dòng ngôn ngữ bác học và bình dân: Từ Hán Việt kết hợp từ thuần Việt; thành ngữ dân gian, từ láy...

	- Miêu tả tình tế diễn biến tâm trạng nhân vật.
--	---

PHIẾU HỌC TẬP

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....
Phiếu học tập số 1 TRAO DUYÊN (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du) Tìm hiểu đoạn 2: Thúy Kiều trao duyên và thuyết phục Thúy Vân
- (?): Lời nhờ cậy Thúy Vân được Thúy Kiều bày tỏ với thái độ như thế nào? Tìm hiểu giá trị của những từ ngữ được dùng để thể hiện thái độ đó? - (?): Thúy Kiều dựa vào điều gì để thuyết phục Thúy Vân? - (?) Có ý kiến cho rằng, với 2 câu thơ cuối trong đoạn, Kiều đã viện đến cả cái chết để buộc Vân nhận lời. Ý kiến khác lại khẳng định đó chỉ cách nói thể hiện lời cảm tạ của Kiều? Em đồng tình với ý kiến nào? Vì sao? - (?): Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ và vẻ đẹp tâm hồn của Thúy Kiều qua đoạn 2

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....
Phiếu học tập số 2 TRAO DUYÊN (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du) Tìm hiểu đoạn 3: Thúy Kiều trao kỉ vật và dặn dò Thúy Vân.
- (?): Những kỉ vật nào đã được Thúy Kiều trao lại cho Thúy Vân? Những kỉ vật ấy nói lên điều gì về mối tình Kim - Kiều? - (?): Tìm những từ ngữ chỉ tâm trạng của Thúy Kiều khi trao kỉ vật? Sự mâu thuẫn, giằng xé trong tâm trạng TK cho thấy điều gì? - (?): Khi thuyết phục TV, TK khẳng định nếu em nhận lời trao duyên thì nàng đâu có phải chết cũng “Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây” nhưng trong lời dặn dò em, TK lại hình dung về bản thân như thế nào? - (?): Nhận xét diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao kỉ vật?

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....
Phiếu học tập số 3 TRAO DUYÊN (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du) Tìm hiểu đoạn 4: Lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều
- (?): Trong 10 câu thơ cuối, Nguyễn Du đã thay đổi hình thức ngôn ngữ như thế nào? - (?): Tìm những từ, ngữ thể hiện ý thức về tình cảnh hiện tại của Thúy Kiều? Nhận xét về tình cảnh đó. - (?) Lời độc thoại hướng về Kim Trọng có nội dung gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP- 4 phút

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi: “Vòng quay văn học”
c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”	

Câu 1: Ngôn ngữ, cử chỉ của Thúy Kiều trong 2 câu thơ “Cậy em em có chịu lời/Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” không thể hiện điều gì?

- A. Điều mà Thúy Kiều sắp nói rất đặc biệt, không dễ gì đem ra nhờ cậy.
- B. Thúy Kiều rất thấu hiểu sự hi sinh của em gái khi chấp nhận điều mình sẽ nhờ cậy.
- C. Thúy Kiều đau đớn đến mức không biết người ngồi trước mặt mình là em gái.**
- D. TK tỏ ý hàm ơn sâu sắc đối với em gái khi chấp nhận điều mình sẽ gửi gắm.

Câu 2: Lý do TK đưa ra để thuyết phục em là gì?

- A. Sự sóng gió bất kì của gia đình
- B. Ngày xuân còn dài của Thúy Vân
- C. Tình chị em ruột thịt giữa TV và TK

D. Cả A, B, C

Câu 3: Kỉ vật tình yêu được nhắc đến trong cuộc trao duyên là gì?

- A. Chiếc vành, bức tờ mây.
- B. Phím đàn, mảnh hương nguyên.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai.

Câu 4: Điều gì không xuất hiện trong tưởng tượng của Thúy Kiều về tương lai sau khi đã trao duyên cho em?

- A. Nàng sẽ được đoàn viên cùng Kim Trọng**
- B. Nàng sẽ chịu số phận của người mệnh bạc, thác oan
- C. Nàng vẫn nặng lời thề với tình yêu dành cho Kim Trọng
- D. Nàng mong mỏi được chàng Kim thấu hiểu, cảm thông

Câu 5: Trở lại với thực tế “Bây giờ trâm gãy gương tan”, ngôn ngữ của Thúy Kiều hướng đến đối thoại cùng ai?

- A. Thúy Vân
- B. Kim Trọng
- C. Chính mình

D. Cả B và C

Câu 6: Đoạn trích “Trao duyên” thể hiện nội dung gì?

- A. Bi kịch tình yêu tan vỡ
- B. Thân phận bất hạnh của Thúy Kiều
- C. Nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều

D. Cả A, B, C

Câu 7: Nhận xét chính xác nhất về những thành công nghệ thuật của đoạn trích “Trao duyên”?

- A. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật; sự điều luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ.**
- B. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.
- C. Sự điều luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ.
- D. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật; sự điều luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ; ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhịp điệu.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv phổ biến luật chơi, điều hành, quan sát.
- HS thực hiện nhiệm vụ;

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động
- Hs nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kết quả trò chơi và trao thưởng nếu có

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG- 8 phút

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

b. Nội dung: Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn trong phần kết nối đọc viết.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM															
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Truyện Kiều là tiếng nói hiểu đời, thương đời của Nguyễn Du. Viết đoạn văn khoảng 150 chữ chỉ ra biểu hiện của sự hiểu và thương ấy trong đoạn trích Trao duyên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Bảng kiểm đánh giá đoạn văn <table><tr><th>Tiêu chí</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu)</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Chỉ ra ý nghĩa của thông điệp</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đảm bảo chính tả, ngữ pháp</td><td></td><td></td></tr></table>	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt	Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu)			Rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân			Chỉ ra ý nghĩa của thông điệp			Đảm bảo chính tả, ngữ pháp		
Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt														
Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu)																
Rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân																
Chỉ ra ý nghĩa của thông điệp																
Đảm bảo chính tả, ngữ pháp																

4. Hướng dẫn về nhà học bài và chuẩn bị bài: Soạn bài theo hướng dẫn VB 3: Đọc Tiểu Thanh kí.

Tiết 60,61

ĐỌC TIỂU THANH KÍ
(Đọc truyện về nàng Tiểu Thanh)Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài này HS

- Nắm kiến thức về một vấn đề được các nhà thơ Việt Nam thế kỉ XVIII quan tâm số phận của những người phụ nữ tài sắc, bất hạnh.
- Hiểu được sự đồng cảm của Nguyễn Du với số phận nàng Tiểu Thanh có tài văn chương mà bất hạnh.

- Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.
- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ.

2. Năng lực

- Năng lực chung: + Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực riêng: + Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
+ Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
+ Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

3. Phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi “Ô chữ bí mật”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Có 8 câu hỏi hàng ngang, mỗi đội được lựa chọn 2 lượt câu hỏi. Mỗi đáp án là một gợi ý, xâu chuỗi các đáp án sẽ tìm ra TỪ KHÓA

Câu 1. Hai nội dung lớn xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của VHVN là yêu nước và nội dung nào?

Câu 2. Hai câu thơ sau đây nằm trong tác phẩm nào?

“Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”

Câu 3. Đây là một trong những đối tượng được văn học trung đại Việt Nam đặc biệt quan tâm?

Câu 4. Đây là thế kỷ của những cuộc nội chiến phong kiến và khởi nghĩa nông dân?

Câu 5. Năm 1010. Lý Công Uân viết chiếu dời đô, chuyển kinh đô từ Hoa Lư về đâu?

Câu 6. Loại văn tự ra đời vào thế kỷ XIII, được sáng tạo trên cơ sở chữ Hán?

Câu 7. Đây là một thể thơ có nguồn gốc từ Trung Quốc được các tác giả văn học trung đại tiếp thu?

Câu 8. “ Bao giờ Hồng Lĩnh hết cây

Sông Lam hết nước thì đỏ với đây mới hết tình”

Những địa danh trong câu ví dặm trên thuộc tỉnh nào của nước ta?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

***GV dẫn vào bài mới**

Nhắc đến ND người đọc bao thế hệ thường liên tưởng đến thiên Truyện Kiều nổi tiếng. Vì ở tác phẩm đó, người đọc không chỉ nhận ra tâm lòng đồng cảm, xót thương cho số phận bất hạnh của con người tài hoa mệnh bạc, mà còn là tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công. Chủ nghĩa nhân đạo như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các sáng tác của ND, không chỉ trong thơ chữ Nôm mà cả trong thơ chữ Hán. Không chỉ thương xót cho số phận bất hạnh của người phụ nữ VN, mà tâm lòng ấy của nhà thơ còn vượt qua thời gian và không gian để xót thương cho nàng TT- người con gái có tài, có sắc sống vào khoảng đầu đời Minh - TQ....

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát

Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả Nguyễn Du, nàng Tiểu Thanh. Nhóm 2: Nêu những nét khái quát về tác phẩm “Độc Tiểu Thanh kí” (Thể thơ, bố cục, hoàn cảnh sáng tác, nhan đề). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoạt động theo nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Nguyễn Du - Sinh năm 1765, mất năm 1820. - Là đại thi hào của dân tộc Việt Nam. 2. Về Tiểu Thanh - Họ Phùng, sống khoảng đầu thời Minh - Từ nhỏ nàng đã thông hiểu các môn nghệ thuật cầm kì thi họa, lại có phong tư lộng lẫy hơn người - Năm 16 tuổi, nàng được gả làm vợ lẽ cho Phùng Sinh, một công tử nhà gia thế. - Vợ cả tính hay ghen lại cay độc, bắt nàng ra sống riêng trên Cô Sơn, gần Tây Hồ. - Vì đau buồn, nàng sinh bệnh rồi qua đời khi mới tròn 18 tuổi. Những bài thơ nàng viết để giải tỏa u buồn bị người vợ cả đốt, chỉ còn vương sót lại vài bài 3. Tác phẩm - Xuất xứ: Trích trong Thanh Hiên thi tập - Hoàn cảnh sáng tác: Nguyễn Du viết bài thơ trong thời gian ông đi xứ bên Trung Quốc - Nhan đề “Độc Tiểu Thanh kí”: có hai cách hiểu: + “Tiểu Thanh kí” có thể là tên một tập thơ của nàng Tiểu Thanh. “Độc Tiểu Thanh kí” => Đọc tập thơ của nàng Tiểu Thanh.

	+ “Tiểu Thanh kí”: có thể là câu chuyện về nàng Tiểu Thanh. Rất có thể, Nguyễn Du đã đọc truyện về nàng Tiểu Thanh và viết nên bài thơ này. - Thể thơ: thất ngôn bát cú. - Bố cục: đề, thực, luận, kết.
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a) Mục tiêu: Học sinh hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến										
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu 2 câu đề Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho học sinh thảo luận cặp đôi, tìm hiểu 2 câu đề của bài thơ bằng việc hoàn thành phiếu học tập số 1. - Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì? - Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời? - Tâm trạng của tác giả trước cảnh? - Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào? (làm rõ nghĩa của từ “độc điệu”) - Hình ảnh “nhất chi thư” gợi cho em suy nghĩ gì về đời người. - Qua đó em nhận xét gì về tình cảm của nhà thơ dành cho Tiểu Thanh? PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tìm hiểu</th><th>Trả lời</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời?</td><td></td></tr> <tr> <td>Tâm trạng của tác giả trước cảnh?</td><td></td></tr> <tr> <td>Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào?</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Tìm hiểu	Trả lời	Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì		Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời?		Tâm trạng của tác giả trước cảnh?		Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào?		II. Khám phá văn bản 1. Hai câu đề: - <i>Tây Hồ hoa uyển tạn thành khu</i> <i>(Tây hồ cảnh đẹp hoá gò hoang)</i> - Từ ngữ đối lập: Cảnh đẹp >< Gò hoang → Sự thay đổi lớn lao của tự nhiên, của đất trời: Tây Hồ còn đó nhưng vườn hoa thì không; cảnh đẹp một thời bây giờ đã mất, thay vào đó là sự hoang tàn, lạnh lẽo. → Sự thăng thốt, tiếng thở dài, tiếc nuối của nhà thơ - <i>Độc điệu song tiền nhất chi thư</i> <i>(Thổn thức bên song mảnh giấy tàn)</i> + Độc điệu: Gợi sự cô đơn của tác giả, sự ít ỏi của hậu thế trong nỗi niềm thương xót người xưa. + Nhất chi thư: Sự mong manh của kiếp người, sự cô đơn của Tiểu Thanh → Cái còn lại của nàng Tiểu Thanh chỉ là mảnh giấy tàn, cả cuộc đời tài hoa chỉ còn lại những vần thơ bị đốt dở ⇒ Nguyễn Du đã khóc thương cho Tiểu Thanh, khóc thương cho cái tài hoa bị cuộc đời vùi dập một cách nghiệt ngã. → Sự cô đơn của người viếng và người được viếng → Sự thương xót, đồng điệu của hai tâm hồn cô đơn.
Tìm hiểu	Trả lời										
Cảnh Tây Hồ được miêu tả như thế nào, thông qua biện pháp gì											
Sự biến đổi của cảnh Tây Hồ thể hiện quy luật gì của cuộc đời?											
Tâm trạng của tác giả trước cảnh?											
Nguyễn Du viếng Tiểu Thanh trong tâm thế nào?											

Hình ảnh “nhất chỉ thư” gợi cho em suy nghĩ gì về đời người?		
Qua đó em nhận xét gì về tình cảm của nhà thơ dành cho Tiểu Thanh?		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cặp đôi Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu 2 câu thực Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS tìm hiểu 2 câu thực của bài thơ qua hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn Kĩ thuật dạy học “Khăn trải bàn” - Dựa vào phần tìm hiểu nhân vật Tiểu Thanh, hãy cho biết câu 3,4 đã tái hiện cuộc đời Tiểu Thanh như thế nào? - Hai từ “son phấn” và “văn chương” còn tượng trưng cho điều gì? Từ đó nhà thơ muốn khái quát về kiểu người nào trong xã hội? - Hãy làm rõ ý nghĩa của những từ “liên tử hậu” (xót xa sau khi chết), “lụy phần dư” (bị đốt dở) - Từ cuộc đời, số phận của Tiểu Thanh, Nguyễn Du thể hiện thái độ, cảm xúc gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoạt động theo nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi.		
2. Hai câu thực: <i>Son phấn hữu thần liên tử hậu</i> <i>Văn chương vô mệnh lụy phần dư</i> (Son phấn có thần chôn vẫn hận Văn chương không mệnh đốt còn vương). → Son phấn là sắc đẹp của Tiểu Thanh, đáng ra phải được nâng niu >< bây giờ bị chôn vùi / Văn chương là tài hoa ở Tiểu Thanh, đáng ra phải được ngưỡng mộ >< bây giờ cũng bị đốt cháy ⇒ Sự vùi dập phũ phàng của cuộc đời với tài năng và nhan sắc của người phụ nữ. Điều này không chỉ gợi lòng thương cảm mà còn nói lên sự uất hận. - Liên tử hậu: Người đẹp chết rồi mà vẫn khiến người đời xót xa, thương tiếc/ Người đẹp chết rồi (cái đẹp bị vùi dập rồi) mà vẫn còn mang trong lòng nỗi xót xa - Lụy phần dư: Tài năng bị vùi dập; những bài thơ - nơi Tiểu Thanh gửi gắm nỗi uất ức cũng bị đốt sạch, chỉ còn vương sót lại => Dù bị vùi dập nhưng dường như cái tài, cái đẹp vẫn có sức sống mãnh liệt, bất tử (vẫn khiến người khác xót xa, đau bị đốt mà văn chương của nàng vẫn còn vương sót lại) => Thái độ thương xót Tiểu Thanh, phần nộ trước quy luật nghiệt ngã của cuộc đời, sự trân trọng với người tài sắc.		

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức

HS: Đánh giá nhóm khác bằng bảng kiểm

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ		
2	Cách thể hiện phong phú, không đơn điệu		

3	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu 2 câu luận

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu học sinh đọc văn bản và trả lời câu hỏi.

- Em hiểu thế nào là “*nỗi hờn kim cổ*”, “*Phong vận kì oan*”, “*thiên nan vấn*” ?

- Tại sao Nguyễn Du lại nhận mình là người cùng hội cùng thuyền với Tiểu Thanh? Thái độ của nhà thơ thể hiện qua đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoạt động cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS trả lời câu hỏi.

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

3. Hai câu luận:

Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kỳ oan ngã tự cư

(*Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi*

Cái án phong lưu khách tự mang)

- Nỗi hờn kim cổ: những nỗi uất ức oán hận từ xưa đến nay

- Thiên nan vấn: khó mà hỏi trù được

→ Từ nỗi đau của Tiểu Thanh mà khái quát lên thành “nỗi hờn kim cổ”. Đây là nỗi đau oan trái của cả một lớp người trong xã hội, trong đó có Nguyễn Du.

- Ngã tự cư: tự coi mình cùng hội cùng thuyền...

→ Nhà thơ tự coi mình cũng giống nàng Tiểu Thanh (mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã...), ông viết về Tiểu Thanh cũng chính là viết về mình → sự đồng cảm xúc động và da diết.

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu 2 câu kết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu học sinh đọc văn bản và trả lời câu hỏi. - Em hiểu thế nào là “<i>nỗi hờn kim cổ</i>”, “<i>Phong vận kì oan</i>”, “<i>thiên nan vạn</i>” ? - Tại sao Nguyễn Du lại nhận mình là người cùng hội cùng thuyền với Tiểu Thanh? Thái độ của nhà thơ thể hiện qua đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoạt động cá nhân. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	⇒ Uất ức, bất lực trước quy luật nghiệt ngã khó lí giải “tài mệnh tương đố”, hồng nhan bạc mệnh 4. Hai câu kết: <i>Bất tri tam bách dư niên hậu</i> <i>Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như</i> (<i>Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa</i> <i>Người đời ai khóc Tố Như chăng</i>) - “<i>Ba trăm năm lẻ nữa</i>” thời gian ước lệ, chỉ tương lai xa xôi. - “<i>Khóc</i>” “<i>thương cảm</i>.” “<i>thấu hiểu</i>.” - “<i>Tố Như</i>” (sợi tơ trắng) là tên chữ, bút hiệu của Nguyễn Du" tư cách một nhà thơ, một nghệ sĩ, một cái tôi cá nhân" việc xưng danh này hiếm thấy trong Văn học trung đại Việt Nam → Câu hỏi tu từ, không phải hướng đến Tiểu Thanh mà là hướng về mình: Ba trăm năm sau, ai là người khóc ta như ta đang khóc cho Tiểu Thanh đây? => Kết động tâm sự u hoài: niềm tự thương, tự đau vì cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cô đơn trước cuộc đời -> ý thức cá nhân chính đáng mang tư tưởng nhân văn sâu sắc.
---	--

*** Tổng kết**

a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “<i>Độc Tiểu Thanh kí</i>”, Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. Tổng kết 1. Nội dung: - Mạch vận động của cảm xúc (tứ thơ): Đọc truyện → xót xa, thương tiếc cho nàng Tiểu Thanh tài sắc mà bạc mệnh → suy nghĩ, tri âm với số phận những người tài hoa, tài tử → tự thương cho số phận tương lai của mình, khao khát tri âm. - Giá trị nhân đạo sâu sắc: + Nguyễn Du xót xa, thương cảm cho Tiểu Thanh- một hồng nhan bạc mệnh, một tài năng thi ca đoản mệnh, cho những kiếp hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng nói chung. + Với cảm hứng tự thương và sự tri âm sâu sắc, ông đã đặt vấn đề: quyền sống của người nghệ sĩ, sự cần thiết

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	phải tôn vinh, trân trọng những người làm nên các giá trị văn hóa tinh thần. 2. Nghệ thuật: - Ngôn ngữ: trữ tình đậm chất triết lí. - Sử dụng tài tình phép đối và khả năng thống nhất những hình ảnh đối lập trong hình ảnh, ngôn từ.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Luyện tập củng cố nội dung bài học

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các bài tập

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1: Miêu tả cảnh Tây Hồ từ đẹp hóa gò hoang, Nguyễn Du muốn nói lên điều gì?

- A. Cái đẹp bị tàn phá
- B. Sự thay đổi của thời gian
- C. Sự biến thiên của cuộc đời

D. Cả 3 phương án trên

Câu 2: Hình ảnh nào gợi tài sắc của Tiểu Thanh?

A. Hoa uyển

B. Chi phần, văn chương

C. Lụy phần dư

D. Nhất chỉ thư

Câu 3: Vì sao Nguyễn Du thương Tiểu Thanh?

A. Vì Tiểu Thanh nghèo khổ

B. Vì Tiểu Thanh bị áp bức, bóc lột

C. Vì Tiểu Thanh có tài sắc nhưng bất hạnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để vận dụng vào thực tiễn đời sống
- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

b. Nội dung: Giáo viên đặt câu hỏi vận dụng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1 (làm tại lớp): Từ câu chuyện cuộc đời Tiểu Thanh và những kiếp tài sắc bạc mệnh, đa cùng, em suy nghĩ gì về những người phụ nữ tài sắc trong xã hội hiện nay?

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể tên một số người phụ nữ tài sắc trong xã hội hiện nay
- GV yêu cầu HS nêu ý kiến cá nhân.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo bàn
- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**
- HS mỗi bàn cử đại diện trình bày câu trả lời
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, bổ sung cho các nhóm.

Nhiệm vụ 2 (làm ở nhà): Tìm những tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ văn học trung đại thể hiện tiếng nói cảm thương cho người phụ nữ. So sánh tiếng nói nhân đạo của Nguyễn Du trong “Độc Tiểu Thanh kí” với các tác giả ấy?

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể tên một số tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ văn học trung đại thể hiện tiếng nói cảm thương cho người phụ nữ
- GV yêu cầu HS so sánh, thuyết trình.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, bổ sung cho các nhóm

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

STT	Tiêu chí	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Liệt kê các tác phẩm nhưng chưa thật chính xác		
2	Liệt kê đúng các tác phẩm, nhưng chưa so sánh được		
3	Liệt kê đúng các tác phẩm, nhưng so sánh còn sơ sài.		
4	Liệt kê đúng các tác phẩm, so sánh đầy đủ, chính xác		

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Về sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
- Chuẩn bị bài tiếp theo

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 62

BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được các hình thức của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học

2. Về năng lực:

2.1. Năng Lực chung:

- **Năng lực tự chủ:** Học sinh nắm được cách thức sử dụng những biện pháp tu từ này phù hợp với mục đích biểu đạt. Từ đó biết tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với nhiệm vụ học tập.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Phân tích mức độ của nhiệm vụ và có sự phân công nhiệm vụ hợp lí.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Học sinh phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó, rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ các hoạt động đọc, viết

- Học sinh biết vận dụng kiến thức về biện pháp lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của các tác giả trong các văn bản đọc.

3. Về phẩm chất:

Có thói quen sử dụng từ ngữ trong giao tiếp đúng mục đích để nâng cao giá trị và hiệu quả nghệ thuật

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Giấy A0, bút dạ, máy chiếu, Mini game

2. **Học liệu:** SGK, KHBD, PHT

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. **Nội dung:** GV trình chiếu Mini Game “ **RUNG CHUÔNG VÀNG**” – Thử tài hiểu biết về các biện pháp tu từ trong Tiếng Việt phân loại theo nhóm cấp độ đơn vị TV: Ngữ âm – Từ vựng – Cú pháp

c. **Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia Mini game B3. Tổ chức mini game – Thử kí ghi điểm, tổng kết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới – Thực hành TV – <i>Biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối</i>	- HS hiểu về các biện pháp tu từ trong TV - Phân biệt giữa các nhóm Bptt Ngữ âm – Từ vựng – Cú pháp - Bptt lập cấu trúc và đối là Bptt cú pháp

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:** HS nhận diện và hiểu được đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối

b. Nội dung: Tìm hiểu qua ngữ liệu trong SGK và ngữ liệu tham khảo ngoài SGK

c. Sản phẩm: HS chuẩn bị PHT ở nhà và trình bày trên lớp theo nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
NHẬN BIẾT VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: PHT số 1 (HS thực hiện theo yêu cầu trên phiếu học tập số 1 đã chuẩn bị trước ở nhà) B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hoạt động nhóm: - Nhóm 1, 2: HS đọc phần kiến thức nhận biết về biện pháp tu từ lập cấu trúc trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK về phép tu từ này - Nhóm 3,4: HS đọc phần kiến thức nhận biết về biện pháp tu từ đối trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK về phép tu từ này B3. Báo cáo thảo luận - HS báo cáo theo nhóm (đại diện nhóm trình bày) - GV quan sát, hỗ trợ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các nhóm, củng cố và chốt kiến thức cần nắm	1. Biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp - Là biện pháp lặp đi lặp lại một cấu trúc cú pháp, trong đó có lấy đi lấy lại một số từ ngữ nhất định và cùng diễn đạt một nội dung chủ đề - Biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp là cách vận dụng sáng tạo những quy tắc kết hợp các thành phần trong câu và cách sắp xếp đặt câu nhằm biểu đạt tư tưởng, nhận thức, tình cảm có hiệu quả cao hơn, lời văn hay hơn đẹp hơn. *Ví dụ 1 : - <i>Quân đội ta chung với nước, hiếu với dân; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.</i> (HCM) * Ví dụ 2: - <i>Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ</i> <i>Người khôn người đến chốn lao xao</i> (Nguyễn Bình Khiêm, Nhàn) => Biện pháp tu từ lập cấu trúc được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, nhất là trong thơ. Biện pháp tu từ này tạo nên ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của đoạn thơ, đoạn văn và làm nổi bật nội dung mà tác giả muốn nhấn mạnh. Phép lặp cú pháp thường có sự phối hợp với phép điệp từ và phép đối 2. Biện pháp tu từ đối - Là cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các thành phần câu, vế câu song song, cân đối trong lời nói nhằm tạo hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, gợi liên tưởng, gợi hình ảnh sinh động, tạo nhịp điệu cho lời nói - Biện pháp tu từ đối được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, có tác dụng tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn *Ví dụ 1 : - <i>Đối trong một cụm từ hoặc đối giữa 2 vế câu hoặc đối trong một cặp câu – SGK tr21</i> *Ví dụ 2: <i>Son phấn có thân chôn vãn hận</i> <i>Văn chương vô mệnh đốt còn vương</i> ĐTTK – Nguyễn Du => Đối tương hỗ, bổ sung ý cho nhau

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:

NHIỆM VỤ	NỘI DUNG TÌM HIỂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	TRÌNH BÀY SẢN PHẨM TRÊN LỚP
----------	-------------------	------------------	-----------------------------

1.	<i>HS đọc phần kiến thức nhận biết tác dụng về biện pháp tu từ lập cấu trúc trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK và nhận xét về đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ này</i>	<i>HS nhận biết và tìm hiểu, nhận xét</i>	
2.	<i>HS đọc phần kiến thức nhận biết tác dụng về biện pháp tu từ đối trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK và nhận xét về đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ này</i>	<i>HS nhận biết và tìm hiểu, nhận xét</i>	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH

a. Mục tiêu: Nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ Lập cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối

b. Nội dung: Thực hành luyện tập Bài tập 1, 2 – SGK tr 20, 21

c. Sản phẩm: HS làm việc độc lập

d. Tổ chức thực hiện:

3.1. NHẬN BIẾT VÀ PHÂN TÍCH TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC CÚ PHÁP

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu trong SGK – BT 1 tr20 B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xác định biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp và phân tích tác dụng B3. Báo cáo kết quả: Gọi cá nhân hs trình bày – HS khác nhận xét bài của bạn; GV quan sát, hỗ trợ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, củng cố và chốt kiến thức cần nắm * BT1a. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ: <i>Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?</i> <i>Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác, biết là về đâu?</i> <i>Buồn trông nội cỏ rầu rầu, Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.</i> <i>Buồn trông gió cuốn mặt duềnh Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi</i>	BT 1a. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ ⇒ Cấu trúc được lặp lại trong các cụm từ “<i>Buồn trông</i>” và các dòng 6 tiếng ⇒ Tác dụng: Nhấn mạnh nỗi buồn triền miên, chông chênh trong tâm hồn nhân vật trữ tình và bao trùm cả đất trời, sông nước, ngoài về chiều nào của không gian cũng chỉ thấy mênh mông, hoang vắng, ảm đạm, u buồn... BT 1b. Biện pháp tu từ lập cấu trúc ở các cụm từ: <i>Khi/ Khi sao/ Giờ sao/ Thân sao</i>

* BT1b. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ: <i>Khi tỉnh rượu lúc tàn canh, Nghĩ mình mình lại thương mình xót xa</i> <i>Khi sao phong gấm rủ là, Giờ sao tan tác như hoa giữa đường. Mặt sao dày gió dạn sương, Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?</i> *BT1c. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ: <i>Đã cho lấy chữ hồng nhan Làm cho cho hại cho tàn cho cân! Đã dày vào kiếp phong trần, Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi</i>	=> Tác dụng: Nhấn mạnh sự tương phản giữa quá khứ êm đềm, hạnh phúc và hiện tại phũ phàng, nghiệt ngã ; đồng thời thể hiện cảm giác bàng hoàng, đau đớn, nhục nhã của Thúy Kiều khi rơi vào lầu xanh lần thứ 2 BT 1c. Phép lặp cấu trúc ở các cụm từ: <i>cho hại/ cho tàn/ cho cân</i> và lặp cấu trúc ở các câu 6 tiếng => Tác dụng: tạo nhịp điệu, giọng điệu day dứt, đay nghiến; thể hiện nỗi cay đắng, sự bất bình, phần uất trước số phận oan trái, chồng chất đau khổ, bất hạnh của Thúy Kiều và trước thân phận con người
---	---

3.2. NHẬN BIẾT VÀ PHÂN TÍCH TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu trong SGK – BT 2 tr20, 21 B2. Thực hiện nhiệm vụ: Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ trích Truyện Kiều, bản in trong Đào Duy Anh, Từ điển Truyện Kiều, tr 637, 657, 689 B3. Báo cáo kết quả: Gọi cá nhân hs trình bày – HS khác nhận xét bài của bạn; GV quan sát, hỗ trợ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, củng cố và chốt kiến thức cần nắm *BT 2a. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ: <i>Bóng hồng nhác thấy nẻo xa, Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai. Người quốc sắc, kẻ thiên tài, Tình trong như đã mặt ngoài còn e. Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,</i>	*BT 2a. HS xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong đoạn thơ - Đối trong một cụm từ hoặc một vế câu: <i>Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai; Người quốc sắc, kẻ thiên tài/ Tình trong như đã mặt ngoài còn e; Rón ngòai chẳng tiện dút về chĩn khôn; Khách đà lên ngựa người còn ghé theo</i> - Đối trong một cặp câu: <i>Dưới dòng nước chảy trong veo/ Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha</i> => Phân tích tác dụng: + Câu “<i>Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai</i>” ca ngợi vẻ đẹp của cả hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân. Mỗi người một vẻ nhưng đều có một cốt cách thanh nhã, kiêu diễm + Các câu “<i>Người quốc sắc kẻ thiên tài/ Tình trong như đã mặt ngoài còn e</i>”: nhấn mạnh sự tương xứng và miêu tả khoảnh khắc tình yêu chớm nở giữa Thúy Kiều và Kim Trọng + Các câu: “<i>Rón ngòai chẳng tiện dút về chĩn khôn; Khách đà lên ngựa người còn ghé theo</i>”: diễn tả tâm trạng bối rối, lưu luyến khi phải chia tay + Cặp câu: “<i>Dưới dòng nước chảy trong veo,/Bên cầu tơ liễu bóng chiều thiết tha</i>” diễn tả vẻ đẹp hài

<i>Rón ngòl chẳng tiện, dứt về chín khôn.</i> <i>Bóng tà như giục cơn buồn,</i> <i>Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.</i> <i>Dưới cầu nước chảy trong veo,</i> <i>Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.</i> *BT 2b. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ: <i>Một mình nương ngọn đèn khuya,</i> <i>Áo đầm giọt lệ tóc se mái sầu:</i> <i>“Phận dầu dầu vậy cũng dầu,</i> <i>Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!</i> <i>Công trình kẻ biết mấy mươi,</i> <i>Vì ta khăng khít cho người dở dang.”</i> *BT 2c. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ: <i>Người về chiếc bóng năm canh,</i> <i>Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.</i> <i>Vàng trắng ai xẻ làm đôi,</i> <i>Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!</i>	hòa, hữu tình của cảnh sắc thiên nhiên như đồng cảm với tình yêu của cặp tài tử giai nhân TK – KT *BT 2b. HS xác định và phân tích tác dụng biện pháp tu từ đối ở các câu: “Áo đầm giọt lệ, tóc se mái sầu” “Vì ta khăng khít cho người dở dang”... => Phân tích tác dụng: Nhân mạnh nỗi đau khổ, day dứt, mặc cảm, có lỗi của Thúy Kiều khi nghĩ về Kim Trọng và mối tình dang dở *BT 2c. HS xác định và phân tích tác dụng biện pháp tu từ đối trong cặp câu: “Người về chiếc bóng năm canh/ Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi” => đối trong vế câu: “Nửa in gối chiếc/ nửa soi dặm trường” => Phân tích tác dụng: Nhân mạnh sự tương đồng trong tâm trạng cô đơn, lưu luyến, nhớ nhung, khắc khoải của Thúc Sinh và Thúy Kiều khi phải xa cách, chia li
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng mở rộng kiến thức về các biện pháp tu từ cú pháp; Mối quan hệ giữa BPTT lập cú pháp và đối

b. Nội dung tìm hiểu: Vì sao trong câu đối, phép lập cú pháp (phối hợp với phép đối) được sử dụng thường xuyên và phát huy được tác dụng thẩm mỹ? Hãy làm sáng tỏ điều đó qua những câu đối sau:

Thiếp từ thuở lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc cơn đen, điều đại điều khôn, nhờ bố đỏ,
Chàng ở dưới suối vàng nghĩ lại, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh.
(Nguyễn Khuyến – Khóc chồng)

c. Sản phẩm: - Chia lớp thành 4 nhóm - Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.

Gợi ý:

- Trong câu đối, phép lập cú pháp được sử dụng thường xuyên cùng với phép đối. Điều đó là do trong câu đối, không phải chỉ có sự đối chọi về từ, về tiếng mà còn có cả sự đối chọi về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp giữa các vế: Các vế đối phải được tổ chức theo cùng một kiểu câu, có các thành phần ngữ pháp giống nhau

- Đối câu đối của Nguyễn Khuyến không chỉ có sự đối chọi của các từ ngữ chỉ màu sắc, mà còn tương xứng về kết cấu ngữ pháp: C – trạng ngữ - hai bổ ngữ chỉ hoàn cảnh – hai đề ngữ - V

d. Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng

HS: Hết thời gian 5 phút, học sinh trình bày sản phẩm trên bảng phụ.

GV nhận xét chốt kiến thức cần nắm, cho điểm, khen thưởng

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Chuẩn bị bài học tiếp theo

- Soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.

VIẾT

Tiết 63-65

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Kiến thức:

- HS nắm được các yêu cầu và cách thức viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học. HS nhận biết những yêu cầu của kiểu bài thuyết minh về 1 tác phẩm(có lồng ghép một hay nhiều yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận)
- HS biết cách giới thiệu 1 tác phẩm văn học bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các tri thức văn học để thuyết minh theo các bước được hướng dẫn.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp; làm việc cặp đôi/nhóm);
- Năng lực tự chủ và tự học (chuẩn bị bài ở nhà, chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phản biện khoa học)

2.1. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

3. Về phẩm chất:

- Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu Projector.

2. Học liệu: SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, Thiết kế bài học (một số tài liệu đọc trên internet).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức:

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1.1. Mục tiêu

- Tạo cho học sinh tâm lí tiếp nhận chủ động, tích cực qua việc làm quen với một số tác phẩm văn học. Từ đó, có nhu cầu giới thiệu tri thức về tác phẩm văn học đó.

1.2. Nội dung

- Học sinh nhận diện được nội dung qua một số tác phẩm văn học

1.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

1.4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên trình chiếu một số tác phẩm văn học Yêu cầu học sinh nhận diện và chia sẻ hiểu biết của bản thân: Truyện Kiều(Nguyễn Du), Chiếc lược ngà(Nguyễn Quang Sáng).... B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và chia sẻ. B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kĩ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. Giáo viên dẫn vào bài mới: Nếu cô là một người nước ngoài đến VN du học thì những thông tin vừa rồi của các em quả thực rất bổ ích và lí thú với cô. Đó cũng là hiệu quả lớn nhất	Hs lắng nghe và cung cấp thông tin về tác phẩm.

của văn bản thuyết minh mang đến cho chúng ta. Đây là kiểu văn bản phổ biến rộng rãi, đáp ứng nhu cầu hiểu biết trong mọi lĩnh vực đời sống. Kiểu VB này gắn liền với tư duy khoa học với mục đích giúp ng đọc, nghe hiểu rõ hơn về đối tượng cần thuyết minh. Các tri thức trong Vb thuyết minh không chỉ chính xác, khách quan mà còn cần được trình bày hấp dẫn, phong phú. Nếu ở kì 1, các em đã biết trọng tâm của kiểu bài nghị luận là nêu quan điểm, bàn luận và thuyết phục; thì trọng tâm của kiểu bài thuyết minh là cung cấp thông tin. Vậy khi thuyết minh về 1 tác phẩm văn học chúng ta cần giới thiệu những thông tin nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời cho các em câu hỏi đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS thấy được yêu cầu cơ bản khi thuyết minh về 1 tác phẩm văn học. Từ đó, giúp HS có kỹ năng xử lý các đối tượng thuyết minh khác nhau.

b. Nội dung: Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu thuyết minh về 1 tác phẩm văn học

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<u>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài</u> B1. Chuyển giao nhiệm vụ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. - <i>Yêu cầu quan trọng nhất của kiểu bài thuyết minh về 1 tác phẩm VH là gì?</i> - <i>Điều gì làm nên giá trị và sức hấp dẫn của 1 bài thuyết minh?</i> - <i>Em phải chuẩn bị những gì để viết tốt kiểu bài này?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.	I. Yêu cầu của kiểu bài: 1. Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh(Tác giả, nhan đề, đánh giá chung. 2. Giới thiệu khái quát về tác giả 3. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt được nội dung tác phẩm 4. Đánh giá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. 5. Đánh giá vị trí, đóng góp của tác phẩm với đời sống văn học. 6. Có thể lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận; nhưng cần đảm bảo giữ được đặc trưng thể loại của văn bản thuyết minh(không để lẫn với văn bản nghị luận)

- GV chốt vấn đề

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu và phân tích ngữ liệu

a. Mục tiêu:

- HS có thể nhận diện được các bước triển khai văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.

- Phát hiện ý, xử lý tốt hệ thống câu hỏi trong ngữ liệu.

b. Nội dung

- Xác định được nội dung vấn đề, các luận điểm cơ bản và cách triển khai các ý của bài thuyết minh.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS đọc SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề.

- Cho HS đọc ngữ liệu. Gọi các đại diện nhóm trình bày.

- **Nhóm 1+2:** Anh/ chị hãy cho biết nội dung cơ bản của tác phẩm văn học được thuyết minh? Xác định trọng tâm của bài viết?(bài viết có những ý lớn nào?)

- **Nhóm 3+4:** Ngoài thuyết minh, tác giả bài viết còn sử dụng kết hợp các yếu tố khác? Đó là những yếu tố nào? Chỉ ra và nêu tác dụng?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: Yêu cầu đại diện nhóm phát biểu.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc nhóm, viết ra giấy nháp, đại diện nhóm phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).

- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

Giáo viên chốt vấn đề:

Nhiệm vụ 3: Thực hành viết

a. Mục tiêu:

II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo
Truyện Kiều – kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du

1. Nội dung của bài văn thuyết minh về “Truyện Kiều –kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du”

- Đoạn 1: Giới thiệu chung về tác phẩm

- Đoạn 2: Giới thiệu khái quát về tác giả: năm sinh – mất; quê quán; hoàn cảnh xuất thân; thời đại; đóng góp...

- Đoạn 3: Hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt nội dung tác phẩm(bố cục, kết cấu...); đan xen nhiều yếu tố tự sự, miêu tả.

- Đoạn 4: Nêu giá trị tư tưởng của tác phẩm

- Đoạn 5: Nêu giá trị tư tưởng của tác phẩm: văn tự, ngôn ngữ, xây dựng nhân vật, tình huống, các bptt, bút pháp...(theo đặc điểm của truyện và thơ đã học ở lớp 10 được cung cấp)

- Đoạn 6: Khẳng định vị trí của tác phẩm trong nền văn học dân tộc.

2. Sự kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận trong bài viết

- Tự sự: kể chuyện Kiều sang nhà Kim, thề nguyên, đính ước, lưu lạc...

- Biểu cảm: các từ cảm thán: Kim đau đớn, kiên trì, thiết tha...

- Miêu tả: Kim hào hoa phong nhã, Kiều tài sắc vẹn toàn...

⇒ Khiến bài thuyết minh trở nên hấp dẫn, phong phú hơn.

III. Thực hành viết

- Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành. - Rèn kĩ năng viết. b. Nội dung - Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học đã học ở chương trình ngữ văn 10 c. Sản phẩm - Kết quả làm việc cá nhân của học sinh. d. Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc kĩ phần thực hành viết trong SGK, nêu các vấn đề còn thắc mắc để thảo luận nhóm; giải đáp những nội dung HS chưa hiểu rõ. Nắm vững quy trình viết(3 bước: chuẩn bị viết, tìm ý và lập dàn ý; viết, chỉnh sửa, hoàn thiện) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân - Giáo viên: Yêu cầu cá nhân phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc cá nhân, viết ra giấy nháp, hoàn thiện phiếu tìm ý phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kĩ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. Giáo viên chốt vấn đề: Chú ý: - Ở luận điểm 2 phần thân bài: Nếu tác phẩm là thơ cần giới thiệu đề tài, cảm hứng chủ đạo, bố cục; nếu là truyện cần tóm tắt được nội dung truyện. - Ở luận điểm 3: Nếu tác phẩm là thơ cần chú ý nghệ thuật trữ tình, ngôn ngữ, các bptt, giọng điệu, nhịp, vần; nếu là truyện cần chú ý nghệ thuật xây dựng tình huống, nhân vật, cốt truyện, ngôi kể, nghệ thuật kể...	1. Đề bài: Viết bài văn thuyết minh về tác phẩm “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử(Sgk Ngữ văn 10 tập 1) 2. Phương pháp: Gv hướng dẫn học sinh thực hành từng bước : - Chuẩn bị viết: Hs chọn văn bản đã học trong chương trình ngữ văn 10 để luyện tập - Tìm ý và lập dàn ý: Dựa vào các câu hỏi trong Sgk gợi ý, bài viết tham khảo để lập dàn ý theo phiếu học tập(phiếu tìm ý, mẫu phiếu đính kèm cuối trang cùng rubrics đánh giá) - Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện: Viết tại nhà. 3. Dàn ý chi tiết: Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm(Vì sao chọn tác phẩm “Mùa xuân chín”? VD; “ Mùa xuân chín” là bài thơ tiêu biểu góp phần làm nên tên tuổi của nhà thơ Hàn Mặc Tử Thân bài: - Giới thiệu về tác giả Hàn Mặc Tử(quê quán, bút danh, sự nghiệp, đặc điểm thơ...): Hàn Mặc Tử làm thơ từ rất sớm (14, 15 tuổi) với nhiều bút danh khác nhau như Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh... Ban đầu Hàn Mặc Tử sáng tác theo thơ cổ điển Đường luật, sau đó chuyển sang sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn. Cuộc đời Hàn thật ngắn ngủi và chịu nhiều đau thương, nhưng với khả năng sáng tạo và nghị lực phi thường, ông đã để lại cho thế hệ sau nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao. Qua diện mạo hết sức phức tạp và đầy bí ẩn của thơ Hàn Mặc Tử, người ta vẫn thấy rõ một tình yêu đến đau đớn hướng về cuộc đời trần thế. - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác và thể loại của tác phẩm: Cuối năm 1936, đầu năm 1937 là cái mốc giúp hậu thế nắm bắt một số sự kiện liên quan tác giả Mùa xuân chín. Ấy là giai đoạn Hàn thôi làm báo tại Sài Gòn, trở về Bình Định với gia đình và vừa in Gái quê – thi tập duy nhất được ấn hành lúc Hàn còn tại thế. Bài thơ được viết theo thể thơ 7 chữ, chia làm 4 khổ. Bài thơ là bức tranh cảnh đẹp mùa xuân trong con mắt một thi sĩ yêu đời. Bên cạnh đó còn là tâm trạng háo hức, bồn chồn của người con gái sắp lấy chồng và tâm trạng băng khuâng, nhưng nhớ của nhân vật trữ tình khi nhắc thấy cảnh cũ người xưa.
--	--

	- Giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm: + Giá trị nội dung: Bài thơ vẽ ra khung cảnh mùa xuân tươi mới, đẹp đẽ, tràn đầy sức sống nơi nông thôn dân dã của làng quê Việt Nam. Qua đó thể hiện niềm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống của thi nhân, gửi gắm niềm yêu thương và hy vọng vào một cuộc sống tốt đẹp. + Giá trị nghệ thuật: - Ngôn từ giản dị, mộc mạc, dễ hiểu - Hình ảnh thơ gần gũi, thân thuộc - Giọng thơ tự nhiên, thủ thỉ, tâm tình + có thể sử dụng đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận tại nội luận điểm này Kết bài: Khẳng định đóng góp của tác phẩm với tác giả, với đời sống văn học hoặc văn hóa của đất nước và thế giới: Bức tranh xuân ấy xứng đáng là một đóng góp của Hàn Mặc Tử đối với mạch thơ xuân, là tiếng thơ chan chứa tình yêu với cuộc đời trần thế của con người đoản mệnh trong cuộc sống mà trường tồn trong thi ca. 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để tìm các lỗi cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện bài viết. Có thể tự rà soát bài viết theo rubrics đánh giá
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

3.1. Mục tiêu: làm bài tập củng cố kiến thức

3.2. Nội dung:

- Hs nhắc lại các bước để viết bài văn thuyết minh về 1 tác phẩm văn học?
- Triển khai lập dàn ý với đề bài: thuyết minh về 1 tác phẩm em đã học(trừ những tác phẩm đã làm ngữ liệu)

3.3. Sản phẩm: Hs hoàn thành các bài tập

3.4. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ - Viết văn bản thuyết minh về truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” của Thạch Lam - Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân.	<u>Hướng dẫn</u> 1. Phương pháp: Thực hiện các bước: chuẩn bị viết; tìm ý và lập dàn ý; viết, chỉnh sửa, hoàn thiện 2. Tìm ý: - Vì sao em thích truyện ngắn này?

- Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo - Đại diện HS lên bảng chữa bài. - Các học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức	- Truyện và tác giả Thạch Lam có vị trí như thế nào trong nền VHVN? - Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh nào? Thể loại? Tóm tắt nội dung truyện? - Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của truyện? Ý nghĩa? - Đóng góp của truyện với tác giả, dòng văn học...? 3. Lập dàn ý 4. Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện (tại nhà)
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

4.1. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

4.2. Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập về nhà?
Viết bài văn thuyết minh về truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan”

4.3. Sản phẩm: HS làm bài tập về nhà – viết bài văn.

4.4. Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng

PHIẾU TÌM Ý

Các ý cần tìm	Nội dung cần đạt
- Vì sao em thích tác phẩm này? - Tác phẩm và tác giả có vị trí như thế nào trong nền VH? - Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh nào? Thể loại? Tóm tắt nội dung? - Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm? Ý nghĩa? - Đóng góp của tác phẩm với tác giả, dòng văn học...?	

RUBIC ĐÁNH GIÁ

	Nội dung đánh giá	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được tác giả, tác phẩm cần thuyết minh		
Thân bài	- Giới thiệu vị trí của tác phẩm, tác giả trong nền văn học - Giới thiệu thể loại, hoàn cảnh ra đời, tóm tắt nội dung, bố cục... của tác phẩm - Giới thiệu nội dung trọng tâm và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm; nêu ý nghĩa		
Kết bài	Đóng góp của tác phẩm với tác giả, với dòng văn học, với đời sống xã hội, với thế giới...		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	- Diễn đạt rõ ràng, đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu - Văn phong, giọng điệu được lựa chọn phù hợp với mục đích, yêu cầu của đối tượng cần thuyết minh - Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm đảm bảo mạch lạc cho bài viết. - Sử dụng kết hợp các yếu tố: tự sự, miêu tả, biểu cảm khi thuyết minh.		

TRẢ BÀI

HOẠT ĐỘNG 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

- Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài đã viết và chấm.
- Nội dung:** Hs vận dụng kiến thức đã học và bài viết để nhận ra những thiếu sót, hạn chế trong bài viết của mình so với yêu cầu của bài.
- Sản phẩm:** HS làm lại hoặc chỉnh sửa và hoàn thiện.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên cho hs nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài thuyết minh về một tác phẩm văn học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo - Đại diện HS lên bảng chữa bài. - Các học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức	1. Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh(Tác giả, nhan đề, đánh giá chung. 2. Giới thiệu khái quát về tác giả 3. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt được nội dung tác phẩm 4. Đánh giá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. 5. Đánh giá vị trí, đóng góp của tác phẩm với đời sống văn học. Có thể lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận; nhưng cần đảm bảo giữ được đặc trưng thể loại của văn bản thuyết minh(không để lẫn với văn bản nghị luận)

HOẠT ĐỘNG 2: Nhận xét về kết quả viết và yêu cầu hs chỉnh sửa bài viết

- Mục tiêu:** Học sinh nhận ra những hạn chế thông qua bài đã viết và chấm.
- Nội dung:** hs chỉnh sửa hoàn thiện bài viết
- Sản phẩm:** HS làm lại hoặc chỉnh sửa và hoàn thiện.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv nhận xét chung về ưu điểm, hạn chế cần khắc phục trong bài viết của Hs Gv trả bài cho HS hướng dẫn các em đối chiếu bài viết với yêu cầu của kiểu bài Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh đọc lại bài, những chỗ gv phê, khoanh đỏ... Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo - HS có thể trao đổi bài và nhận xét, góp ý cho nhau. Căn cứ vào nhận xét của Gv chấm để chỉnh sửa Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức	1. Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh(Tác giả, nhan đề, đánh giá chung. 2. Giới thiệu khái quát về tác giả 3. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt được nội dung tác phẩm 4. Đánh giá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. 5. Đánh giá vị trí, đóng góp của tác phẩm với đời sống văn học. 6. Có thể lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận; nhưng cần đảm bảo giữ được đặc trưng thể loại của văn bản thuyết minh(không để lẫn với văn bản nghị luận)

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Tồn tại, hạn chế	Chỉnh sửa bài viết
Mở bài	
Thân bài	
Kết bài	

NÓI VÀ NGHE

Tiết 66

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài giới thiệu về một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.
- HS nắm được những nét chính của một tác phẩm văn học như: đề tài, chủ đề, những giá trị nội dung và nghệ thuật chính, ý nghĩa và vai trò của tác phẩm trong đời sống văn học và đời sống xã hội, ...

2. Về năng lực:

- Rèn luyện năng lực tự học, tự tìm tòi nghiên cứu về một tác phẩm văn học.
- Vận dụng năng lực sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết vào hoạt động nói cụ thể
- Năng lực cảm thụ, đánh giá về một tác phẩm văn học theo ý kiến cá nhân.
- Năng lực phân tích, phản biện ý kiến, quan điểm của người khác.

3. Về phẩm chất: HS biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** máy tính, máy chiếu/ti vi, bảng phụ, tranh ảnh, máy ghi âm, ghi hình,...

2. **Học liệu:** SGK, SGV, Ấn phẩm tác phẩm văn học, kho học liệu số,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong giờ

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hào hứng cho HS và dẫn dắt vào tiết học mới.

b. **Nội dung:** HS theo dõi một đoạn video về một hoạt động tiếp nhận văn học và nêu nhận xét về vai trò của hoạt động đó.

c. **Sản phẩm:** HS nêu được vai trò của việc giới thiệu một tác phẩm văn học

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS theo dõi đoạn video và nêu nhận xét về: - Câu 1: video giới thiệu tác phẩm gì? Lí do nào tác giả muốn giới thiệu tác phẩm văn học này? - Câu 2: Người viết đã cho biết những thông tin gì về tác phẩm?	Câu 1: video giới thiệu tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh Lí do: là cuốn sách gây nhiều ấn tượng và cảm xúc với người viết.

- Câu 3: Người nói sử dụng kết hợp các phương tiện trình bày nào? - Câu 4: Phần giới thiệu đã tác động tới tâm lí tiếp nhận của người nghe như thế nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi video, ghi chép nhanh thông tin nắm được B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày ý kiến cá nhân B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá phần trả lời của HS, nhận định <i>Thế giới văn học bao la và diệu kì luôn có sức hấp dẫn với mỗi người mỗi khác. Thông qua chia sẻ cùng nhau, chúng ta được tiếp nhận nhiều hơn những giá trị của tác phẩm văn học, bồi dưỡng niềm say mê với việc đọc đồng thời trau dồi kĩ năng sử dụng ngôn từ linh hoạt. Điều đó đòi hỏi sự công phu và kiên trì rèn luyện của mỗi người đọc.</i>	Câu 2: Người viết cung cấp các thông tin về tiểu sử, sự nghiệp tác giả Bảo Ninh; sơ lược nội dung câu chuyện; Những giá trị tư tưởng của tác phẩm và vài nét về nghệ thuật viết truyện của Bảo Ninh. Câu 3: Phương tiện ngôn ngữ kết hợp hình ảnh, video minh họa -> sinh động, hấp dẫn Câu 4: Bài giới thiệu giúp khơi gợi hứng thú cho người nghe tìm tới tác phẩm hoàn chỉnh để thưởng thức.
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (Chuẩn bị nói và nghe)

- a. Mục tiêu: HS chuẩn bị tư liệu, dự kiến được các nội dung thành phần trong bài giới thiệu và hình thức trình bày
- b. Nội dung: Xác định đề tài, tên tác phẩm sẽ giới thiệu; Tìm ý và sắp xếp các ý trong bài nói; các phương tiện hỗ trợ minh họa cho bài nói.
- c. Sản phẩm: Bài giới thiệu một tác phẩm văn học của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 1 để chuẩn bị nội dung bài nói. – GV hướng dẫn: <i>Nếu sử dụng lại kết quả của bài viết thì đề tài bài nói đã được xác định (nói về cùng một tác phẩm và vấn đề nổi bật của tác phẩm ấy). Trên cơ sở bài viết đã được chỉnh sửa, hãy thu gọn hệ thống luận điểm, dẫn chứng thành một đề cương, chỉ chọn giữ lại những luận điểm và dẫn chứng quan trọng.</i> -GV giới hạn thời gian cho mỗi phần giới thiệu (tối đa 10 phút) - GV hướng dẫn HS tâm thế nghe: lắng nghe, ghi chú những nội dung cần trao đổi B2. Thực hiện nhiệm vụ	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 1. Lựa chọn đề tài, tác phẩm: lựa chọn linh hoạt nhưng nên là những tác phẩm có giá trị. 2. Dàn ý bài giới thiệu: + Phần mở đầu: Giới thiệu tác phẩm và lí do lựa chọn tác phẩm + Phần nội dung: - Giới thiệu đôi nét về tác giả: tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật - Tóm lược nội dung tác phẩm: bố cục, nội dung chính - Đánh giá những giá trị nổi bật về Nội dung, Nghệ thuật của tác phẩm - Trình bày khía cạnh tâm đắc nhất của bản thân về tác phẩm. +P hần kết thúc: đánh giá sức hấp dẫn của tác phẩm, bài học cá nhân rút ra từ tác phẩm. 3. Chuẩn bị nghe Hs nghe tìm hiểu về đề tài được nói tới.

HS lựa chọn tác phẩm và tìm hiểu, lên dàn ý nội dung bài giới thiệu B3. Báo cáo thảo luận HS thống nhất những nội dung sẽ trình bày, phương án trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét nhanh định hướng, phương án trình bày của HS	
---	--

Phiếu học tập số 1:

Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định phương diện tâm đắc (một khía cạnh)	
	1.Mở đầu: Lí do lựa chọn tác phẩm 2. Phần nội dung - Tác giả - Tóm lược tác phẩm -Giá trị nội dung - Giá trị nghệ thuật -Quan điểm cá nhân 3. Phần kết		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành nói và nghe)

a.Mục tiêu: HS biết trình bày về một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân

HS biết lắng nghe, nắm bắt được nội dung trình bày; nhận xét được nội dung và hình thức bài trình bày

HS biết thảo luận trên tinh thần chia sẻ, xây dựng

b. Nội dung:

HS giới thiệu về đề tài, tóm tắt nội dung, nêu những giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm; nêu ấn tượng sâu sắc của bản thân.

HS nghe bài giới thiệu của bạn, ghi chép nhanh những nội dung hứng thú, những nội dung chưa rõ, câu hỏi trao đổi.

HS trao đổi những nội dung, hình thức của bài nói, đưa ý kiến cá nhân đánh giá về bài nói hoặc chia sẻ thông tin về tác phẩm được nói.

c. Sản phẩm: Phân trình bày trực tiếp giới thiệu một tác phẩm văn học của học sinh và nội dung trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*Nội dung 1: Thực hành nói và nghe B1. Chuyển giao nhiệm vụ	Đề cương minh họa: Giới thiệu tác phẩm <i>Dưới bóng hoàng lan</i> của Thạch Lam Phần mở đầu

GV giới thiệu các thành viên lên trình bày bài giới thiệu tác phẩm mình lựa chọn, mỗi bài tối đa 10 phút

GV yêu cầu HS còn lại lắng nghe và ghi chú nhanh thông tin tiếp nhận được từ bài giới thiệu của bạn.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS lên trình bày bài giới thiệu về tác phẩm theo lựa chọn cá nhân.

HS lắng nghe và ghi chú

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày bài nói

HS nghe và ghi chép

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét về bài giới thiệu và phần thảo luận của HS

- Đề tài quê hương, gia đình là nguồn cảm hứng trong trẻo, dạt dào cho những cây bút xưa nay.

- Giữa những trang văn ảm đạm, đen tối của văn học hiện thực 1930 – 1945, văn Thạch Lam xuất hiện như một dòng nước mát, ngọn gió nhẹ nhàng thanh lọc tâm hồn con người, gieo tin yêu vào cuộc sống. Dưới bóng hoàng lan là một thanh âm dịu dàng như thế

Phần nội dung

- Thạch Lam cây bút văn xuôi lãng mạn tiêu biểu của văn học 1930 – 1945, các sáng tác của ông tập trung đi sâu khai thác vào cuộc sống đời thường, bình dị của tầng lớp thị dân nghèo. Với những tác phẩm thường “truyện không có truyện” nhưng lại để lại những dư âm sâu sắc trong lòng người đọc về vẻ đẹp cuộc sống, tâm hồn con người. Văn phong Thạch Lam giản dị, trong sáng mà sâu sắc.

- Câu chuyện kể về Thanh – một chàng trai mồ côi cha mẹ, sống cùng bà. Chàng lên tỉnh đi làm rồi hằng năm có dịp nghỉ phép sẽ về thăm quê. Lần trở về lần này đã cách kì nghỉ trước 2 năm, vì vậy Thanh mang trong mình nỗi nhớ nhà, nhớ quê da diết. Dù xa nhà 2 năm nhưng khi trở về, chàng cảm thấy bình yên và quen thuộc đến lạ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ. Trong cảnh bình yên và thông thả của chốn xưa, một hình ảnh tươi mát hiện lên. Khu vườn xưa hiện lên trước mắt anh chàng với con đường Bát Tràng rêu phủ với những vòm ánh sáng lọt qua vòm cây với bức tường hoa thắp chạy thẳng đến đầu nhà với cả một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí.

Thanh gặp lại Nga, cô bé hàng xóm nay đã thành thiếu nữ xinh xắn, cùng hái hoa và ăn bữa cơm ấm áp với bà khiến tâm hồn anh xốn xang. Truyện khép lại bằng hình ảnh Thanh từ biệt bà trở lại tỉnh, trong lòng tin tưởng rằng Nga vẫn sẽ chờ anh về

- Câu chuyện cho ta đồng cảm với những cảm xúc của Thanh. Có thể nói, dù lên tỉnh làm việc nhưng cuộc sống chốn phồn hoa đô thị không khiến chàng trai ấy thay tính đổi nết. Vẫn là một con người hiền lành, trân quý những điều giản dị và yêu thương mái ấm gia đình mình dù còn nghèo khó. Hơn hết, Thanh rất yêu và hiếu thảo với bà của mình. Với bà, Thanh vẫn như một chàng trai bé bỏng, để bà săn sóc, vỗ về. Ở quê hương, dưới bóng hoàng lan, Thanh còn có một mối tình trong sáng, đơn sơ, giản dị với Nga – cô gái hàng xóm. Tình cảm ấy được vun đắp từ những kỉ niệm ấu thơ, trước vẻ đẹp thuần khiết, e ấp của Nga khi gặp lại khiến Thanh thấy vừa thân thương vừa ngọt ngào.

	- Hình ảnh người bà trong truyện ngắn hiện lên mang theo bóng hình người phụ nữ Việt Nam. Bà mang nét đẹp hiền từ, một tấm lòng tần tảo, hi sinh, vị tha. - Nhân vật Thanh – một cô bé hàng xóm hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng là người đã thay Thanh ở bên bà những lúc Thanh vắng nhà. Nga dành cho Thanh một tình yêu chân thành mà kín đáo, từ ánh mắt đến cử chỉ ngại ngùng, lời tỏ tình vừa chân thành vừa hồn nhiên mượn hoa hoàng lan để bày tỏ. - Tác phẩm đặc trưng cho kiểu “truyện không có cốt truyện”, đậm chất trữ tình. Mạch truyện diễn ra chậm rãi, nhẹ nhàng; ngôn ngữ trong sáng, giàu sức gợi. Phần kết Truyện mang những ý nghĩa nhân sinh sâu sắc. Đó là câu chuyện về tình yêu gia đình, tình yêu đôi lứa và tình yêu quê hương đất nước. Quê hương, gia đình chính là nơi trở về bình yên, mát lành cho mỗi con người sau những bôn ba mệt mỏi của cuộc sống.
--	---

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*Nội dung 2: Trao đổi B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS sau khi nghe đưa ra các nhận xét, góp ý, câu hỏi về bài nói. Người nói tiếp nhận các ý kiến này và trao đổi thêm (tán đồng, bác bỏ, trả lời câu hỏi, bàn luận mở rộng...). HS có thể trao đổi về một vấn đề trong bài nói. - GV lưu ý HS: có nhiều cách đọc, cách giới thiệu và đánh giá khác nhau một tác phẩm theo lựa chọn cá nhân. Vì vậy, khi trao đổi người nói và người nghe nên đối thoại trên tinh thần cởi mở, sẵn sàng chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm. - GV yêu cầu HS tự đánh giá và đánh giá bài nói theo phiếu học tập số 2. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS tiến hành nhận xét bài nói và đặt câu hỏi trao đổi, thảo luận. B3. Báo cáo thảo luận. GV yêu cầu một số học sinh nêu nhận xét và đặt câu hỏi trao đổi, thảo luận. B4. Kết luận, nhận định.	1.Trao đổi mở rộng: Về một phương diện trong nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm được giới thiệu; về đặc điểm phong cách nghệ thuật của tác giả... 2. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

GV đưa nhận xét đánh giá về hoạt động trao đổi thảo luận.	
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

TT	Tiêu chí	Nhận xét		Kết quả	
		Ưu	Nhược	Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn đề tài, tác phẩm (tính phù hợp, hấp dẫn)				
2	Những thông tin cơ bản về tác phẩm (tính đầy đủ, mạch lạc, trọng tâm, độc đáo...)				
3	Các phương tiện phi ngôn ngữ (tính phong phú, phù hợp, hiệu quả)				
4	Phong cách trình bày (tự tin, lưu loát, sinh động, cuốn hút,...)				
5	Tinh thần, thái độ trao đổi (cầu thị, cởi mở, chân thành, tôn trọng...)				

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: HS nhận biết được bố cục và các nội dung trong một bài giới thiệu về tác phẩm văn học; trình bày ý kiến cá nhân về bài giới thiệu.

HS biết vận chủ động chọn, thực hiện một bài giới thiệu về một tác phẩm tự chọn.

Nội dung: Giới thiệu đề tài, tác phẩm lựa chọn; những nét nổi bật về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, phương diện tâm đắc trong tác phẩm, ...

Sản phẩm: Đề cương; bài giới thiệu về một tác phẩm văn học tự chọn.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv đưa yêu cầu: Hãy giới thiệu về một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs tìm hiểu, lựa chọn một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du và chuẩn bị bài giới thiệu. B3. Báo cáo thảo luận HS giới thiệu cho nhau nghe và cùng trao đổi (ở nhà) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Căn cứ theo phiếu học tập số 2	Bài giới thiệu về một bài thơ chữ Hán theo lựa chọn cá nhân.